CỤC THỐNG KÊ

TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

THÍ ĐIỂM KHẢO SÁT LAO ĐỘNG TRÊN NỀN TẢNG SỐ

Hà Nội 2026

Phần I

PHIẾU ĐIỀU TRA

PHẦN 5A: VIỆC LÀM NỀN TẢNG SỐ

TÊN VÀ SỐ THỨ TỰ / CÂU HỎI	_____ ☐☐

68.1 Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng ứng dụng trên điện thoại di động hoặc trang web (như Grab, Be, Xanh SM, FastGo,...) để tìm kiếm hoặc nhận công việc chở khách, lái xe thuê không?

1.☐ Có. ĐÓ LÀ ỨNG DỤNG GÌ?

1. ☐ GRAB, BE, GREEN SM (XANH SM), MYGO, FASTGO, BẠN UỐNG TÔI LÁI

2. ☐ KHÁC: GHI TÊN ỨNG DỤNG _____

2.☐ KHÔNG

68.2 Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng ứng dụng trên điện thoại di động hoặc trang web (như GrabFood, ShopeeFood, beFood, Ahamove, Lalamove,...) để nhận công việc giao đồ ăn hoặc giao hàng cho khách không?

1.☐ CÓ. ĐÓ LÀ ỨNG DỤNG GÌ?

1. ☐ GRABFOOD, SHOPEEFOOD, BEFOOD, AHAMOVE, LALAMOVE, GRABEXPRESS

2. ☐ KHÁC: GHI TÊN ỨNG DỤNG _____

2.☐ KHÔNG

68.3 Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng các sàn thương mại điện tử (như Shopee, Lazada, TikTok Shop, Tiki,...) để bán hàng tạo thu nhập không?

1.☐ CÓ. ĐÓ LÀ ỨNG DỤNG GÌ?

1. ☐ SHOPEE, LAZADA, TIKTOK SHOP, TIK

2. ☐ KHÁC: GHI TÊN ỨNG DỤNG _____

2.☐ KHÔNG

68.4 Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng ứng dụng trên điện thoại di động hoặc trang web để sáng tạo và đăng tải nội dung (như video, hình ảnh, bài viết, livestream,...) nhằm tạo thu nhập cho bản thân không?

1.☐ CÓ. ĐÓ LÀ ỨNG DỤNG GÌ?

1. ☐ YOUTUBE, TIKTOK, FACEBOOK, INSTAGRAM, AFFILIATE, SPOTIFY, APPLE PODCASTS

2. ☐ KHÁC: GHI TÊN ỨNG DỤNG _____

2.☐ KHÔNG

68.5 Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng ứng dụng trên điện thoại di động hoặc trang web để nhận các công việc như giúp việc gia đình, chăm sóc người già/trẻ em, tư vấn làm đẹp, sửa chữa, lắp đặt thiết bị, dọn vệ sinh nhà cửa,... không?

1.☐ CÓ. ĐÓ LÀ ỨNG DỤNG GÌ?

1. ☐ BTASKEE, JUPVIEC, GIÚP VIỆC TỐT, GRABASSISTANT / GRABMART, AHAMOVE (DỊCH VỤ GIA ĐÌNH)

2. ☐ BEAUTYX; KLOOK, LOOKME; ISALON BOOKING, BTASKEE, MYSPA (CHĂM SÓC SỨC KHỎE, LÀM ĐẸP)

3. ☐ KHÁC: GHI TÊN ỨNG DỤNG _____

2.☐ KHÔNG

68.6 Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng ứng dụng trên điện thoại di động hoặc trang web để nhận các công việc như gia sư/ dạy học trực tuyến hoặc tư vấn khám/ chữa bệnh từ xa,... không?

1.☐ CÓ. ĐÓ LÀ ỨNG DỤNG GÌ?

1. ☐ VUIHOC, CLEVAI, KYNA, PREPLY, EDUBOX (GIÁO DỤC)

2. ☐ YOUMED, MED247, DOCTOR ANYWHERE, MEDLATEC, MEDIPLUS, BOOKINGCARE, BCARE (KHÁM CHỮA BỆNH)

3. ☐ KHÁC: GHI TÊN ỨNG DỤNG _____

2.☐ KHÔNG

68.7 Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng ứng dụng trên điện thoại di động hoặc trang web để nhận làm các công việc như phiên dịch, biên dịch, lập trình, thiết kế đồ họa, nhập liệu, biên tập tài liệu, gắn nhãn dữ liệu,... nhằm tạo thu nhập không?

1.☐ CÓ. ĐÓ LÀ ỨNG DỤNG GÌ?

1. ☐ UPWORK, FREELANCER, FIVERR (LẬP TRÌNH, BIÊN DỊCH)

2. ☐ YOUMED, MED247, DOCTOR ANYWHERE, MEDLATEC, MEDIPLUS, BOOKINGCARE, BCARE (KHÁM CHỮA BỆNH)

3. ☐ KHÁC: GHI TÊN ỨNG DỤNG _____

2.☐ KHÔNG

68.8 Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng ứng dụng trên điện thoại di động hoặc trang web để cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản nhằm tạo thu nhập không?

1.☐ CÓ. ĐÓ LÀ ỨNG DỤNG GÌ?

1. ☐ AIRBNB, BOOKING.COM, AGODA, TRAVELOKA (CHO THUÊ PHÒNG)

2. ☐ MIOTO, GREEN SM (CHO THUÊ XE TỰ LÁI)

3. ☐ KHÁC: GHI TÊN ỨNG DỤNG _____

2.☐ KHÔNG

68.9 Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng ứng dụng trên điện thoại di động hoặc trang web để nhận hoặc thực hiện bất kỳ công việc nào khác nhằm tạo thu nhập không?

1.☐ CÓ. ĐÓ LÀ ỨNG DỤNG GÌ?

GHI TÊN ỨNG DỤNG _____

2.☐ KHÔNG

KT1. NẾU C68.1 ĐẾN C68.9 CÓ ÍT NHẤT 1 CÂU TRẢ LỜI LÀ CÓ -> HỎI CÂU 68.10; KHÁC -> CHUYỂN SANG HỎI PHẦN 6 - CÔNG VIỆC GIA ĐÌNH

68.10 Nêu tối đa tên 03 nền tảng ứng dụng mà [TÊN] sử dụng nhiều nhất trong 12 tháng qua?

1. ☐TÊN ỨNG DỤNG …….

2. ☐TÊN ỨNG DỤNG …….

3. ☐TÊN ỨNG DỤNG …….

Phiếu hỏi trên CAPI sẽ hiện lên danh sách các ứng dụng phổ biến được chia theo nhóm công việc để ĐTV chọn (danh sách ứng dụng ở Phụ lục 1)

68.11 Ứng dụng [TÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LIỆT KÊ Ở C68.10] mà [TÊN] sử dụng có các chức năng sau đây không? (CÓ THỂ CHỌN NHIỀU ĐÁP ÁN).

☐ Nhận việc, kết nối với khách hàng

☐ Phân công hoặc giao việc

☐ Thu tiền hoặc xử lý thanh toán

☐ Quy định hoặc gợi ý mức giá

☐ Đánh giá hoặc xếp hạng người cung cấp dịch vụ

☐ Có thể tạm khóa hoặc chấm dứt tài khoản

☐ Giải quyết tranh chấp dịch vụ

☐ Khác (ghi rõ chức năng)_____

68.12 [TÊN] có nhận được hoặc tìm được khách hàng, công việc hoặc nhiệm vụ thông qua các nền tảng ứng dụng [TÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LIỆT KÊ Ở C68.10] không?

1.☐ CÓ

2.☐ KHÔNG

68.13 [TÊN] nhận tiền thanh toán qua hình thức nào?

1.☐ Thông qua ứng dụng

2.☐ Khách hàng thanh toán trực tiếp

3.☐ Cả 2 hình thức

4.☐ Không nhận được thanh toán

68.14 Công việc trên nền tảng ứng dụng [TÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LIỆT KÊ Ở C68.10] được [TÊN] thực hiện với tần suất như thế nào?

1.☐ Hằng ngày/hầu như hằng ngày

2.☐ Hằng tuần/hầu như hằng tuần

3.☐ Hằng tháng/hầu như hàng tháng

4.☐ Vài lần trong năm

5.☐ Chỉ một lần trong năm

KT2. LIÊN KẾT VỚI PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI Ở CÂU 68.14 ĐỂ CAPI HIỂN THỊ PHÙ HỢP:

NẾU C68.14 = 1 hoặc 2 → C68.15: HỎI GIỜ/TUẦN

NẾU C68.14 = 3 → C68.15: HỎI GIỜ/THÁNG

NẾU C68.14 = 4, 5 → C68.15: HỎI GIỜ/NĂM

68.15 [TÊN] thường dành khoảng bao nhiêu giờ/ [TUẦN/THÁNG/NĂM] để làm việc thông qua các nền tảng ứng dụng trên, bao gồm cả thời gian chờ nhận việc, tìm khách hàng và thực hiện công việc?

SỐ GIỜ ☐

KT3. NẾU C68.14 = 1|2|3, CÂU 68.16 HIỂN THỊ CÂU HỎI: TRONG THÁNG QUA. NẾU C68.14=4|5, CÂU 68.16 HIỂN THỊ CÂU HỎI: TRONG 12 THÁNG QUA

68.16 Số tiền [TÊN] nhận được từ công việc thông qua ứng dụng [[TÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LIỆT KÊ Ở C68.10] chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm thu nhập từ việc làm trong tháng qua/trong 12 tháng qua?

1.☐ DƯỚI 25% (ÍT HOẶC KHÔNG ĐÁNG KỂ)

2.☐ TỪ 25% ĐẾN DƯỚI 50% (DƯỚI MỘT NỬA)

3.☐ TỪ 50% ĐẾN DƯỚI 75% (KHOẢNG MỘT NỬA HOẶC HƠN MỘT NỬA)

4.☐ TỪ 75% TRỞ LÊN (TOÀN BỘ HOẶC GẦN NHƯ TOÀN BỘ)

5.☐ KHÔNG BIẾT

68.17 Khi thực hiện các công việc thông qua ứng dụng [TÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LIỆT KÊ Ở C68.10], [TÊN] có tham gia đóng bảo hiểm xã hội không?

1.□ CÓ

2.□ KHÔNG -> C68.19

68.18 Loại bảo hiểm xã hội mà [TÊN] đóng khi thực hiện hoạt động thông qua [TÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LIỆT KÊ Ở C68.9] này là gì?

1.□ BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN

2.□ BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC

68.19 [TÊN] có thực hiện các công việc nêu trên trong 7 ngày vừa qua hay không?

1. □ CÓ - > HỎI CÂU 68.20

2. □ KHÔNG - >HỎI SANG PHẦN 6 - CÔNG VIỆC GIA ĐÌNH

68.20 Công việc thông qua thông [TÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LIỆT KÊ Ở C68.10] có phải là công việc chính hoặc công việc thứ hai mà [TÊN] đang làm không? (Chọn 1 phương án)

1. □ CÓ, LÀ CÔNG VIỆC CHÍNH

2. □ CÓ, LÀ CÔNG VIỆC THỨ HAI

3. □ KHÔNG, LÀ CÔNG VIỆC BỔ SUNG HOẶC CÔNG VIỆC KHÔNG THƯỜNG XUYÊN

Phần II

HƯỚNG DẪN GHI PHIẾU

1. Mục đich thu thập thông tin của Phần 5A. Việc làm nền tảng số

Phần 5: Việc làm nền tảng số được bổ sung vào phiếu điều tra lao động việc làm để thu thập thông tin liên quan đến các công việc được thực hiện thông qua việc sử dụng các ứng dụng di động (nền tảng số). Từ đó xác định quy mô, đặc điểm, tính chất việc làm nền tảng số đang thực hiện ở Việt Nam.

2. Khái niệm và đặc điểm của nền tảng số

2.1 Khái niệm nền tảng số

Nền tảng số được hiểu là một giao diện hoặc hệ thống số thực hiện chức năng trung gian giữa các bên trong giao dịch hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ, đồng thời tổ chức có vai trò tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi cho giao dịch, quá trình sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ.. Nền tảng số là các ứng dụng di động trên điện thoại, các thiết bị di động hoặc máy tính (ví dụ: Ứng dụng Grab, Ứng dụng Green SM.....)

Các bên tham gia có thể bao gồm:

- Đơn vị vận hành hoặc kiểm soát nền tảng;
- Người cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ;
- Người mua hoặc người sử dụng hàng hóa, dịch vụ;
- Các bên khác tham gia vào quá trình giao dịch hoặc thực hiện công việc.

Nền tảng số có thể chỉ thực hiện chức năng kết nối giữa các bên hoặc có thể tham gia sâu hơn vào quá trình tổ chức, điều phối và kiểm soát hoạt động giao dịch, chẳng hạn như phân phối công việc, xác định hoặc đề xuất giá, hỗ trợ thanh toán, đánh giá chất lượng, quản lý tài khoản hoặc giám sát quá trình thực hiện công việc.

Ví dụ: **Ứng dụng đặt xe Grab** là một nền tảng số. Ứng dụng Grab đóng vai trò trung gian kết nối khách hàng có nhu cầu đặt xe với các tài xe (xe máy hoặc ô tô) là người cung cấp dịch vụ. Các tài xế (xe máy/ô tô) nhận việc của thông qua việc điều phối bằng các thuật toán của Ứng dụng Grab. Ứng dụng Grab sẽ quyết định giá cước của chuyến xe.

2.2 Đặc điểm nền tảng số

Nền tảng số (Ứng dụng di động) thực hiện chức năng kết nối giữa các bên (ở đây là khách hàng và người lao động) hoặc có thể tham gia sâu hơn vào quá trình tổ chức, điều phối và kiểm soát hoạt động giao dịch, chẳng hạn như phân phối công việc, xác định hoặc đề xuất giá, hỗ trợ thanh toán, đánh giá chất lượng, quản lý tài khoản hoặc giám sát quá trình thực hiện công việc.

Nền tảng số tạo điều kiện cho các bên tương tác, trao đổi hàng hóa, dịch vụ và thông tin, qua đó tạo ra hoặc hỗ trợ tạo ra giá trị kinh tế và xã hội.

Nền tảng có thể kết nối trực tiếp người cung cấp với khách hàng hoặc kết nối gián tiếp thông qua việc chia nhỏ, phân phối, tổng hợp hoặc sắp xếp các nhiệm vụ.

Trong nhiều trường hợp, nền tảng không trực tiếp sở hữu hoặc sản xuất hàng hóa, dịch vụ được giao dịch mà thực hiện chức năng **kết nối và trung gian giữa các bên**.

Nền tảng số thường đóng vai trò trung gian giữa các nhóm tác nhân tham gia vào hoạt động giao dịch hoặc thực hiện công việc. Các nhóm tác nhân có thể bao gồm:

- Đơn vị vận hành hoặc kiểm soát nền tảng;
- Người cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ;
- Người mua hoặc người sử dụng hàng hóa, dịch vụ.

Nền tảng có thể kết nối trực tiếp người cung cấp với khách hàng hoặc kết nối gián tiếp thông qua việc chia nhỏ, phân phối, tổng hợp hoặc sắp xếp các nhiệm vụ.

2.3. Phân biệt nền tảng số với công cụ số thông thường

Việc sử dụng công nghệ số hoặc các công cụ kỹ thuật số để hỗ trợ công việc không tự động được xem là công việc trên nền tảng số.

Các công cụ như email, phần mềm văn phòng, Zoom, Microsoft Teams, phần mềm quản lý công việc hoặc công cụ trí tuệ nhân tạo có thể hỗ trợ quá trình làm việc nhưng không nhất thiết thực hiện chức năng kết nối, trung gian hoặc tổ chức công việc.

Một website hoặc tài khoản mạng xã hội chỉ được sử dụng để giới thiệu, quảng bá sản phẩm cũng không tự động được xem là nền tảng số liên quan đến công việc trên nền tảng số. Cần xem xét liệu công cụ đó có thực hiện chức năng kết nối, trung gian, tổ chức hoặc hỗ trợ giao dịch giữa các bên hay không.

2.4. Phạm vi nền tảng số trong điều tra

Phạm vi này có thể bao gồm:

- Nền tảng vận tải và chở khách;
- Nền tảng giao hàng và giao đồ ăn;
- Nền tảng thương mại điện tử;
- Nền tảng cung cấp dịch vụ tại nhà;
- Nền tảng việc làm tự do;
- Nền tảng cung cấp tác vụ số;
- Nền tảng sáng tạo nội dung;
- Nền tảng cho thuê tài sản;
- Nền tảng cung cấp dịch vụ chuyên môn;

3. Khái niệm việc làm trên nền tảng số

3.1. Khái niệm việc làm trên nền tảng số

Những người có việc làm trên nền tảng số được định nghĩa là những người, trong kỳ tham chiếu, đã tham gia vào bất kỳ hoạt động nào liên quan đến việc sản xuất hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ cho người khác thông qua nền tảng số, nhằm nhận thù lao hoặc lợi nhuận và trong đó nền tảng số có vải trò tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi cho giao dịch, sản xuất hoặc cung cấp hàng hóa và dịch vụ. Việc tổ chức và tạo điều kiện thuận lợi này có thể được thể hiện thông qua các cách thức như:

- Cách thức kết nối khách hàng và nhà cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ, giám sát sự tương tác giữa họ,

- Xác định cơ chế giá cả hoặc quy định các điều khoản thanh toán,

- Cung cấp các quy tắc hoạt động về cách thức tiến hành công việc,

- Thiết lập các chỉ số hiệu suất hoặc cung cấp hệ thống xếp hạng hoặc các ưu đãi

3.2. Phân loại việc làm nền tảng số

a) Phân loại theo loại sản phẩm, dịch vụ cung cấp

Việc làm trên nền tảng số có thể được phân loại theo loại sản phẩm hoặc dịch vụ được cung cấp thông qua nền tảng. Theo cách tiếp cận này, các hoạt động trên nền tảng số được chia thành hai nhóm chính: Hàng hóa và dịch vụ.

Hàng hóa

Nhóm hàng hóa bao gồm các hoạt động mà người cung cấp sử dụng nền tảng số để bán, trao đổi hoặc phân phối các sản phẩm hữu hình. Trong trường hợp này, nền tảng số đóng vai trò kết nối người bán và người mua, hỗ trợ các khâu như quảng bá sản phẩm, tiếp nhận đơn hàng, thanh toán và tổ chức giao nhận.

Các hoạt động thuộc nhóm này có thể bao gồm:

- Bán hàng hóa do người cung cấp tự sản xuất;
- Bán lại hàng hóa được mua từ các nhà cung cấp khác;
- Bán hàng hóa thông qua hình thức kinh doanh trực tuyến;
- Các hoạt động khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa thông qua nền tảng số.

Tùy thuộc vào đặc điểm của hoạt động, người cung cấp có thể trực tiếp thực hiện việc sản xuất, chuẩn bị, đóng gói và giao hàng, hoặc chỉ thực hiện một số khâu trong quá trình cung ứng hàng hóa.

Dịch vụ

Nhóm dịch vụ bao gồm các hoạt động mà người cung cấp sử dụng nền tảng số để cung cấp dịch vụ cho khách hàng hoặc người sử dụng dịch vụ. Khác với hàng hóa, kết quả của hoạt động dịch vụ thường được thể hiện thông qua việc thực

hiện một nhiệm vụ, cung cấp một tiện ích hoặc đáp ứng một nhu cầu cụ thể của khách hàng.

Nhóm dịch vụ được chia thành hai loại:

Dịch vụ lao động

Dịch vụ lao động là các hoạt động trong đó người cung cấp thực hiện một nhiệm vụ hoặc công việc cụ thể cho khách hàng, doanh nghiệp hoặc người sử dụng dịch vụ thông qua sự kết nối của nền tảng số.

Các hoạt động này có thể bao gồm:

- Vận chuyển hành khách;
- Giao hàng, giao đồ ăn;
- Vận chuyển hàng hóa;
- Dọn dẹp, sửa chữa và bảo trì;
- Chăm sóc, hỗ trợ tại nhà;
- Các công việc tự do hoặc chuyên môn được thực hiện theo yêu cầu;
- Các nhiệm vụ trực tuyến như nhập dữ liệu, dịch thuật, thiết kế, lập trình hoặc xử lý nội dung;
- Các dịch vụ lao động khác được cung cấp thông qua nền tảng số.

Dịch vụ lao động có thể được thực hiện trực tuyến hoặc tại một địa điểm cụ thể, tùy thuộc vào bản chất của nhiệm vụ và phương thức cung cấp dịch vụ.

Dịch vụ phi lao động

Dịch vụ phi lao động là các hoạt động cung cấp tiện ích hoặc quyền sử dụng tài sản, nội dung hay nguồn lực thông qua nền tảng số, trong đó hoạt động cung cấp không nhất thiết gắn với việc người cung cấp trực tiếp thực hiện một nhiệm vụ lao động cho khách hàng.

Nhóm này có thể bao gồm:

- Cho thuê nhà ở, phòng ở hoặc các không gian khác;
- Cho thuê phương tiện, thiết bị hoặc tài sản;
- Cung cấp nội dung số;
- Sản xuất và phân phối nội dung sáng tạo;
- Cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ kỹ thuật số khác;
- Các hoạt động phi lao động khác được thực hiện thông qua nền tảng số.

Trong một số trường hợp, hoạt động cung cấp dịch vụ phi lao động có thể có sự tham gia của người lao động. Tuy nhiên, việc phân loại cần căn cứ vào bản chất

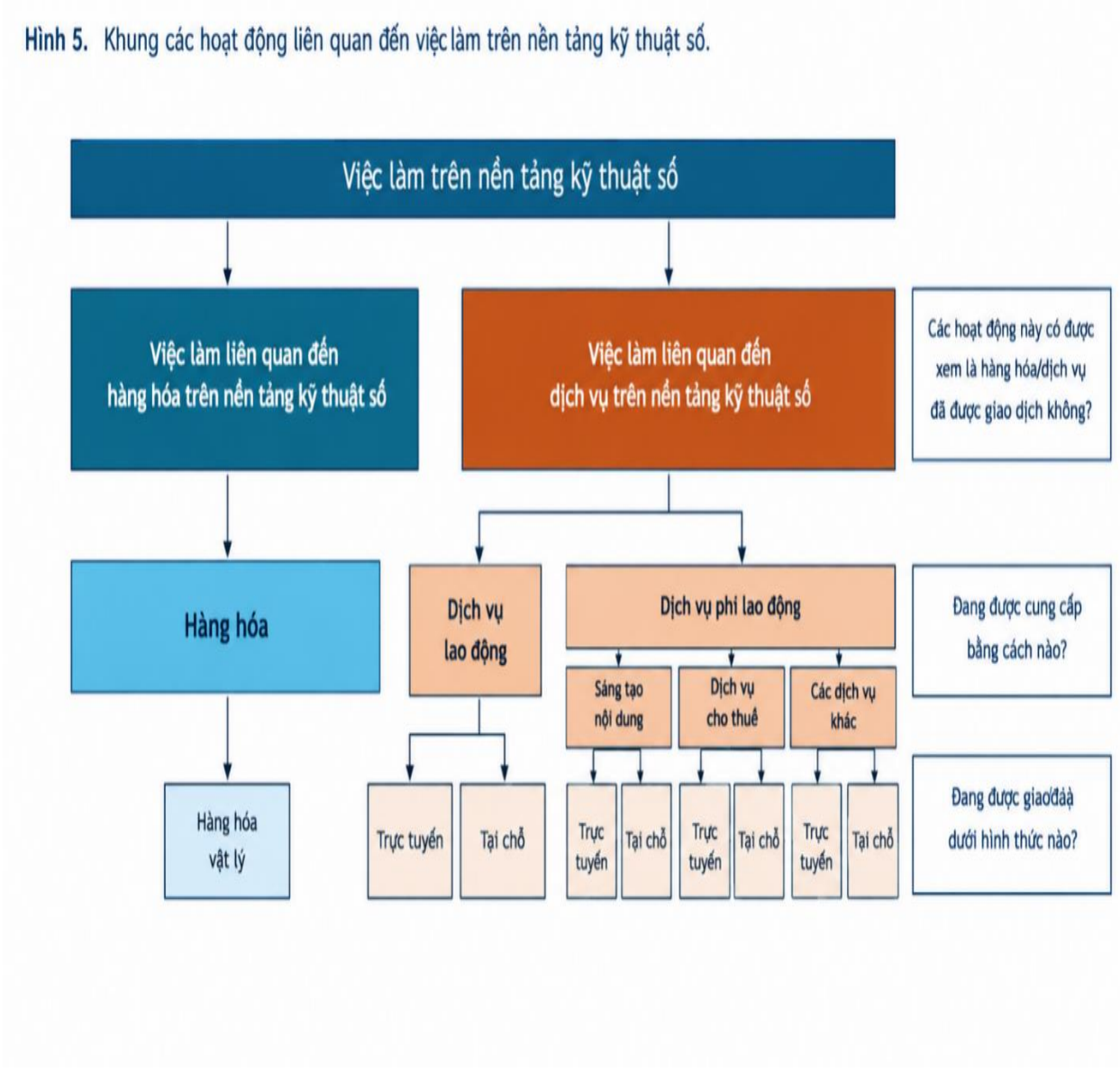
chính của sản phẩm hoặc dịch vụ được cung cấp, thay vì chỉ dựa trên việc hoạt động đó có sử dụng lao động hay không.

b) Phân loại theo phương thức thực hiện

Bên cạnh việc phân loại theo hàng hóa và dịch vụ, các hoạt động trên nền tảng số còn có thể được phân loại theo địa điểm và phương thức thực hiện:

- Trực tuyến/từ xa: công việc được thực hiện chủ yếu qua Internet, như dịch thuật, lập trình, thiết kế, nhập liệu, tư vấn hoặc dạy học trực tuyến.
- Tại chỗ/dựa trên địa điểm: công việc đòi hỏi người cung cấp có mặt tại một địa điểm, như chở khách, giao hàng, giúp việc, chăm sóc, sửa chữa hoặc lắp đặt.
- Một công việc có thể đồng thời thuộc nhiều nhóm. Ví dụ, giao hàng vừa là dịch vụ lao động, vừa là công việc tại chỗ và được điều phối qua ứng dụng.

Hình 5. Khung các hoạt động liên quan đến việc làm trên nền tảng kỹ thuật số.



4. Cụ thể hóa khung khái niệm trong Phiếu điều tra

4.1. Đối tượng và thời gian tham chiếu

Nội dung	Quy ước áp dụng trong mô-đun
Đối tượng	Người từ 15 tuổi trở lên đang làm việc và ở Việt Nam, thuộc đối tượng điều tra của phần 5A.
Thời gian tham chiếu	12 tháng qua
Kỳ tham chiếu hoạt động gần đây	7 ngày qua, hỏi tại C68.19 để liên kết với việc làm hiện tại.
Mục đích hoạt động	Chỉ tính hoạt động nhằm kiếm thu nhập/thù lao/lợi nhuận.
Đơn vị nhận diện	Hoạt động/công việc có liên quan đến nền tảng; Một hoạt động sử dụng nhiều nền tảng số để tạo thu nhập, vẫn chỉ được tính là một công việc.

4.2. Vai trò của từng nhóm câu hỏi

Nhóm câu hỏi	Mục đích khái niệm và xử lý
C68.1 - C68.9	Phát hiện các nhóm hoạt động có thể là việc làm trên nền tảng số và nhận diện tên nền tảng.
C68.10	Xác định tối đa 03 nền tảng được sử dụng nhiều nhất; phục vụ phân tích nền tảng chính.
C68.11	Kiểm tra các chức năng: chức năng tổ chức/chức năng trung gian/chức năng kiểm soát của nền tảng.
C68.12	Xác nhận công việc, khách hàng hoặc nhiệm vụ có thực sự được nhận/tìm qua nền tảng hay không.
C68.13	Xác định phương thức thanh toán: thanh toán thông qua ứng dụng, thanh toán trực tiếp, cả hai hoặc không được thanh toán.
C68.14 - C68.15	Đo tần suất tham gia công việc nền tảng số và số giờ làm việc; làm cơ sở xác định mức độ tham gia.
C68.16	Đo tỷ trọng thu nhập có được từ công việc trên nền tảng số trong tổng thu nhập từ việc làm.
C68.17 - C68.18	Đánh giá tình trạng và loại hình tham gia bảo hiểm xã hội.
C68.19	Xác định hoạt động có diễn ra trong 7 ngày qua hay không.
C68.20	Phân biệt công việc chính, công việc thứ hai và công việc bổ sung/không thường xuyên.

5. Hướng dẫn ghi phiếu

Nhóm câu hỏi từ Câu 68.1 đến câu 68.9:

Chỉ hỏi về công việc ĐTĐT đã nhận được hoặc thực hiện trong 12 tháng qua thông qua trang web hoặc ứng dụng di động để kiếm thu nhập, như giao hàng, gọi xe, dịch vụ tại nhà, làm việc tự do trực tuyến hoặc bán hàng hóa. Các trang web hoặc ứng dụng này giúp ĐTĐT kết nối với khách hàng, đối tác, nhiệm vụ hoặc công việc.

Chỉ tính những hoạt động **ĐTĐT thực hiện để kiếm thu nhập**;

Loại trừ các trường hợp ĐTĐT **chỉ sử dụng trang web hoặc ứng dụng với mục đích là khách hàng** (mua hàng hóa, đặt taxi, đặt đồ ăn, đặt phòng, v.v.) hoặc **chỉ sử dụng các công cụ kỹ thuật số để hỗ trợ công việc**, như ứng dụng giao tiếp, phần mềm văn phòng, phần mềm làm việc nhóm hoặc công cụ trí tuệ nhân tạo, hoặc sử dụng trang web, cửa hàng trực tuyến hoặc ứng dụng di động do chính ĐTĐT tạo lập và quản lý để bán sản phẩm hoặc cung cấp dịch vụ (Ví dụ: Trang web riêng của ĐTĐT để khách hàng đặt mua sản phẩm hoặc sử dụng dịch vụ).

Một số ví dụ các trường hợp loại trừ:

Ví dụ 2: Anh A là chủ một tiệm bánh ngọt. Anh ấy tự bỏ tiền thuê người thiết kế một trang web riêng có tên miền là tiembanhanha.com hoặc tự tạo một ứng dụng di động riêng tên là "Tiệm Bánh Anh A". Khách hàng muốn mua bánh sẽ truy cập trực tiếp vào trang web/ứng dụng này của anh A để đặt hàng và anh A tự giao bánh cho khách.

Trường hợp này **Không tính lao động nền tảng số do:** Dù anh A có phát sinh thu nhập, nhưng đây là hoạt động **tự kinh doanh độc lập trên nền tảng do chính mình sở hữu và vận hành**, hoàn toàn không thông qua một sàn trung gian hay ứng dụng công nghệ của bên thứ ba nào (như ShopeeFood, GrabFood, Baemin, v.v.) để kết nối và nhận đơn. Do vậy, anh A không được tính là có thực hiện công việc để kiếm thu nhập.

Ví dụ 2: Chị B là nội trợ. Hằng ngày, chị lên ứng dụng **Shopee** hoặc **TikTok Shop** để săn mã giảm giá, đặt mua quần áo, bỉm sữa cho con và thanh toán tiền cho người bán.

Trường hợp này chị B là người **bỏ tiền ra tiêu dùng**, không phải người bán hàng hay người giao hàng để kiếm thu nhập trên các sàn này nên không được tính là có thực hiện công việc để kiếm thu nhập.

Ví dụ 3: Anh C đi làm hằng ngày bằng cách mở app **Grab/Xanh SM** để đặt xe máy công nghệ, hoặc trưa nắng đặt cơm qua **ShopeeFood**.

Trường hợp này Anh C sử dụng ứng dụng với tư cách là **khách hàng trả tiền** cho dịch vụ, không phải là tài xế công nghệ đi chạy xe để kiếm tiền nên không được tính là có thực hiện công việc để kiếm thu nhập.

Ví dụ 4: Chị D vào trang web **Agoda** hoặc **Booking.com** để đặt phòng khách

sạn và vé máy bay cho gia đình đi du lịch Nha Trang.

Trường hợp này chị D là **người sử dụng dịch vụ**, không phải là chủ khách sạn hay đại lý bán vé kiếm hoa hồng trên nền tảng đó nên không được tính là có thực hiện công việc để kiếm thu nhập.

Câu 68.1. Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng ứng dụng trên điện thoại di động hoặc trang web (như Grab, Be, Xanh SM, FastGo,...) để tìm kiếm hoặc nhận công việc chở khách, lái xe thuê không?

Mục đích: Câu hỏi này để xác định nhận diện, thu thập thông tin và đo lường quy mô của nhóm lao động tham gia công việc chở khách/lái xe thuê thông qua các nền tảng số (gọi tắt là lao động chạy xe công nghệ bao gồm cả xe máy và ô tô) trong **thời kỳ tham chiếu 12 tháng qua.**

Hướng dẫn thực hiện:

Nếu ĐTĐT trả lời có nhận được đơn hàng từ các ứng dụng di động (nền tảng số) và thực hiện việc trở khách theo nhiệm vụ được phân cho từ ứng dụng và có thu nhập, thì ĐTV xác định là có.

Khi đã xác định ĐTĐT có tham gia công việc chở khách/lái xe thuê thông qua các nền tảng số thì ĐTV hỏi ĐTĐT về ứng dụng mà ĐTĐT đã đăng ký làm tài xế để nhận nhiệm vụ/công việc chở khách. Nếu Ứng dụng mà ĐTĐT sử dụng là 1 trong các ứng dụng đã được liệt kê thì chọn **mã 1**. Trường hợp ĐTĐT sử dụng ứng dụng khác các ứng dụng đã được liệt kê thì chọn **mã 2** và ghi cụ thể tên Ứng dụng mà ĐTĐT sử dụng.

Lưu ý:

Câu này chỉ tích vào mã 1 đối với những người tạo thu nhập thông qua việc kết nối, nhận đơn từ các ứng dụng di động/trang web (như Grab, Be, Xanh SM...) thay vì các hình thức lái xe truyền thống (xe ôm truyền thống, taxi truyền thống) hoặc hợp đồng lao động dài hạn cố định.

Ví dụ 1:

Anh B đăng ký làm đối tác tài xế cho ứng dụng Grab để chạy GrabBike chở khách. Hàng ngày anh nhận được các đơn chở khách từ ứng dụng Grab để thực hiện công việc và kiếm thu nhập. Đây là công việc anh đã làm trong 3 năm qua. Nhưng 10 ngày qua anh không nhận chở khách vì lý do sức khỏe.

Trả lời: Trong trường hợp này ĐTV xác định Anh B có sử dụng ứng dụng trên điện thoại di động (cụ thể là ứng dụng Grab) để nhận đơn chở khách và tạo thu nhập. Vì ở trong câu hỏi này **thời kỳ tham chiếu là 12 tháng qua.**

Khi ĐTV chọn mã 1 thì chương trình CAPI sẽ hỏi ĐTĐT về tên ứng dụng mà ĐTĐT sử dụng để nhận đơn chở khách. Nếu ứng dụng mà ĐTĐT dùng là 1 trong những ứng dụng đã được liệt kê trong danh sách thì chọn mã 1. Nếu ứng dụng mà ĐTĐT sử dụng chưa được liệt kê thì chọn mã 2 và ghi cụ thể tên ứng dụng mà ĐTĐT sử dụng để nhận đơn chở khách.

Ví dụ 2:

Trường hợp ông C (52 tuổi, ngụ tại Quận Đống Đa, Hà Nội) – Lái xe ôm truyền thống đón khách cố định trước cổng Bệnh viện Bạch Mai. Ông không cài đặt hay sử dụng bất kỳ ứng dụng công nghệ nào (như Grab, Be, Xanh SM...) để tìm hoặc nhận khách.

Trả lời: Trong trường hợp này ĐTV xác định ông C không được xác định là có sử dụng dụng ứng dụng trên điện thoại di động hoặc trang web (như Grab, Be, Xanh SM, FastGo,...) để tìm kiếm hoặc nhận công việc chở khách, lái xe thuê. ĐTV chọn mã 2.

Câu 68.2. Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng ứng dụng trên điện thoại di động hoặc trang web (như GrabFood, ShopeeFood, beFood, Ahamove, Lalamove,...) để nhận công việc giao đồ ăn hoặc giao hàng cho khách không?

Mục đích: Câu hỏi này để xác định nhận diện, thu thập thông tin và đo lường quy mô của nhóm lao động làm công việc giao đồ ăn, giao hàng hóa (shipper công nghệ) thông qua các nền tảng số trong **thời kỳ tham chiếu 12 tháng qua.**

Hướng dẫn thực hiện:

ĐTV xác định là Có nếu ĐTĐT sử dụng ứng dụng/trang web để nhận đơn, giao đồ ăn/hàng hóa và tạo thu nhập trong 12 tháng qua.

Sau khi xác định **Có**, ĐTV hỏi ĐTĐT về ứng dụng mà ĐTĐT sử dụng để nhận đơn, giao đồ ăn/hàng hóa và tạo thu nhập trong 12 tháng qua. Trường hợp ĐTĐT sử dụng ứng dụng khác các ứng dụng đã được liệt kê thì chọn mã 2 và ghi cụ thể tên Ứng dụng mà ĐTĐT sử dụng.

Lưu ý:

Chỉ tính những người nhận đơn và kết nối qua ứng dụng/sàn công nghệ. Không tính người là nhân viên giao hàng cố định thuộc biên chế/hợp đồng dài hạn của một cửa hàng/doanh nghiệp mà chỉ dùng app nội bộ để báo cáo đơn.

Ví dụ 1:

Chị K đăng ký làm shipper cho ShopeeFood và Ahamove. Hàng ngày chị nhận đơn qua app trên điện thoại để đi giao đồ ăn/hàng cho khách để lấy công. ĐTV chọn Mã 1 (Có - ShopeeFood, Ahamove).

Ví dụ 2:

Anh M là nhân viên giao hàng thuộc hợp đồng lao động chính thức của Công ty Điện máy X, hàng ngày giao tủ lạnh/ti vi theo phân công của quản lý kho. ĐTV chọn Mã 2 (Không).

Câu 68.3. Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng các sàn thương mại điện tử (như Shopee, Lazada, TikTok Shop, Tiki,...) để bán hàng tạo thu nhập không?

Mục đích: Câu hỏi này để xác định nhận diện, thu thập thông tin và đo lường

quy mô của nhóm lao động tham gia hoạt động kinh doanh, bán hàng trực tiếp trên các sàn thương mại điện tử (TMĐT) tạo thu nhập trong thời kỳ tham chiếu 12 tháng qua.

Hướng dẫn thực hiện:

- ĐTV xác định là mã 1. Có nếu ĐTĐT có mở gian hàng hoặc trực tiếp đăng bán sản phẩm/dịch vụ, quản lý đơn hàng trên các sàn TMĐT nhằm mục đích tạo thu nhập/doanh thu trong 12 tháng qua. Sau khi chọn mã 1.Có, ĐTV hỏi ĐTĐT để xác định tiếp ứng dụng đó là ứng dụng đã được liệt kê sẵn hay ứng dụng khác không thuộc ứng dụng có sẵn.

Chọn mã 1.Có nếu ứng dụng/sàn TMĐT mà ĐTĐT sử dụng nằm trong danh sách đã liệt kê sẵn (Shopee, Lazada, TikTok Shop, Tiki).

Trường hợp ĐTĐT sử dụng sàn TMĐT khác ngoài danh sách trên (Ví dụ: Amazon, eBay...), ĐTV chọn Mã 2. Khác và ghi rõ tên sàn TMĐT mà ĐTĐT sử dụng.

- ĐTV chọn mã 2. Không nếu ĐTĐT không bán hàng trên các sàn TMĐT hoặc chỉ sử dụng các sàn này với mục đích mua sắm cá nhân, không tạo ra thu nhập.

Lưu ý:

Phân biệt sàn TMĐT với mạng xã hội thông thường:

- Bán trên sàn TMĐT (Tính vào C68.3): ĐTĐT có gian hàng, quản lý đơn hàng, xử lý thanh toán và vận chuyển qua quy trình tích hợp của sàn (Shopee, Lazada, TikTok Shop, Tiki...).

- Bán qua trang cá nhân/mạng xã hội (Không tính vào C68.3): Nếu ĐTĐT chỉ đăng bài bán hàng cá nhân, nhắn tin chốt đơn thủ công qua Facebook cá nhân, Zalo cá nhân (không qua TikTok Shop hay tính năng sàn thương mại điện tử) thì không tính vào câu này.

Ví dụ 1: (Trường hợp CÓ)

Chị H mở gian hàng kinh doanh quần áo thời trang trên sàn Shopee và TikTok Shop. Hàng ngày chị đăng tải sản phẩm, quản lý đơn hàng, giao cho đơn vị vận chuyển của sàn và nhận doanh thu chuyển về tài khoản. Chị đã duy trì công việc này từ đầu năm 2025 đến nay.

Trả lời: ĐTV xác định chị H có sử dụng sàn TMĐT để bán hàng tạo thu nhập trong 12 tháng qua. ĐTV chọn **Mã 1. Có.**

Và ở câu hỏi Tên ứng dụng: ĐTV chọn Mã 1 (đã hiển thị danh sách các sàn TMĐT phổ biến **Shopee**, **TikTok Shop...** trên giao diện CAPI.

Ví dụ 2: (Trường hợp KHÔNG)

Anh M chỉ sử dụng tài khoản Shopee và Lazada để mua đồ gia dụng cho gia đình. Thỉnh thoảng anh có đăng thanh lý một chiếc điện thoại cũ lên trang Facebook cá nhân của mình và tự thỏa thuận giá với người mua qua tin nhắn.

Trả lời: Anh M không vận hành gian hàng hay bán hàng tạo thu nhập trên sàn TMĐT. Việc thanh lý đồ cũ qua Facebook cá nhân không thuộc phạm vi bán hàng trên sàn TMĐT. ĐTV chọn Mã 2. Không.

Câu 68.4. Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng ứng dụng trên điện thoại di động hoặc trang web để sáng tạo và đăng tải nội dung (như video, hình ảnh, bài viết, livestream,...) nhằm tạo thu nhập cho bản thân không?

Mục đích: Câu hỏi này để xác định nhận diện, thu thập thông tin và đo lường quy mô của nhóm lao động tham gia hoạt động sáng tạo nội dung như video/hình ảnh/bài viết, người phát sóng trực tiếp nội dung của mình trên mạng xã hội tạo thu nhập **trong thời kỳ tham chiếu 12 tháng qua**.

Hướng dẫn thực hiện:

- ĐTV xác định là **Có** Nếu đối tượng điều tra (ĐTĐT) có sáng tạo và đăng tải nội dung (video, hình ảnh, bài viết, âm thanh, chương trình phát sóng trực tiếp/livestream...) trên các nền tảng ứng dụng/trang web và thu được tiền/thu nhập từ hoạt động này trong 12 tháng qua thì Điều tra viên (ĐTV) xác định là Có.

Nguồn thu nhập từ sáng tạo nội dung bao gồm:

+ Doanh thu chia sẻ quảng cáo từ nền tảng (bật kiếm tiền);

+ Tiền hoa hồng từ tiếp thị liên kết (Affiliate Marketing) gắn kèm nội dung;

+ Tiền tài trợ, quảng cáo sản phẩm cho các thương hiệu (Booking/Nhận hợp đồng quảng cáo);

+ Tiền ủng hộ/quà tặng từ người xem (Donate/Gift) trong các buổi livestream

+ Chọn nhóm ứng dụng

Chọn mã 1. Có nếu nền tảng ĐTĐT sử dụng nằm trong danh sách đã liệt kê sẵn (YouTube, TikTok, Facebook, Instagram, Affiliate, Spotify, Apple Podcasts).

Chọn mã 2. Khác trong trường hợp ĐTĐT sử dụng ứng dụng/trang web khác ngoài danh sách trên, ĐTV chọn Mã 2. Khác và ghi rõ tên ứng dụng

- ĐTV chọn Mã 2. Không nếu ĐTĐT chỉ sử dụng các mạng xã hội để giải trí, đăng tải nội dung cá nhân thông thường không nhằm mục đích tạo thu nhập, hoặc không phát sinh bất kỳ khoản thu nhập nào từ việc đăng tải nội dung trong 12 tháng qua.

Lưu ý:

- Phân biệt mục đích tạo thu nhập**:** Không căn cứ vào việc ĐTĐT có nổi tiếng hay không, chỉ cần việc đăng tải nội dung tạo ra thu nhập (dù ít hay nhiều) thì đều tính là **Có**.

- Không tính việc giải trí cá nhân: Việc một người đăng ảnh, video sinh hoạt gia đình, bài viết cá nhân lên Facebook/TikTok chỉ để giao lưu bạn bè mà không nhận bất kỳ khoản tiền hay lợi ích kinh tế nào thì chọn 2. Không.

Ví dụ 1: (Trường hợp CÓ - Làm nội dung video và tiếp thị liên kết)

Anh T làm các video ngắn chia sẻ kinh nghiệm nấu ăn đăng lên TikTok và YouTube. Anh tham gia chương trình bật kiếm tiền của YouTube để nhận tiền quảng cáo hàng tháng, đồng thời gắn đường link mua dụng cụ nhà bếp (Affiliate) dưới các video TikTok để nhận tiền hoa hồng.

Trả lời: Anh T tạo thu nhập trực tiếp từ việc sáng tạo nội dung trên nền tảng số. ĐTV chọn Mã 1. Có.

Và ở câu hỏi Tên ứng dụng: ĐTV chọn Mã 1 (đã hiển thị danh sách YouTube, TikTok, Facebook, Instagram, Affiliate, Spotify, Apple Podcasts)

Ví dụ 2: (Trường hợp CÓ - Livestream bán hàng tích hợp nội dung giải trí)

Chị T là một Streamer chuyên quay video chơi game và livestream trò chuyện trên nền tảng Facebook. Trong các buổi livestream, chị nhận được tiền donate từ người xem và hợp đồng quảng cáo game cho các công ty phát hành.

Trả lời: Hoạt động livestream giải trí tạo thu nhập của chị T thuộc phạm vi câu hỏi này. ĐTV chọn Mã 1. Có.

Và ở câu hỏi Tên ứng dụng: ĐTV chọn Mã 1 (đã hiển thị danh sách YouTube, TikTok, Facebook, Instagram, Affiliate, Spotify, Apple Podcasts)

Ví dụ 3: (Trường hợp KHÔNG)

Bạn K thường xuyên quay video du lịch cá nhân đăng lên TikTok và Instagram để lưu giữ kỷ niệm. K có hơn 5.000 người theo dõi nhưng không bật kiếm tiền, không nhận quảng cáo và không gắn link bán hàng.

Trả lời:: Việc đăng tải nội dung của K thuần túy phục vụ sở thích cá nhân, không tạo ra thu nhập. ĐTV chọn Mã 2. Không.

Câu 68.5. Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng ứng dụng trên điện thoại di động hoặc trang web để nhận các công việc như giúp việc gia đình, chăm sóc người già/trẻ em, tư vấn làm đẹp, sửa chữa, lắp đặt thiết bị, dọn vệ sinh nhà cửa,... không?

Mục đích: Câu hỏi này để xác định nhận diện, thu thập thông tin và đo lường quy mô của nhóm lao động cung cấp các dịch vụ giúp việc gia đình, chăm sóc cá nhân, làm đẹp, lắp đặt, sửa chữa và bảo dưỡng đồ dùng gia đình thông qua việc kết nối, nhận đơn từ các ứng dụng di động hoặc trang web (nền tảng số) trong thời kỳ tham chiếu 12 tháng qua.

Hướng dẫn thực hiện:

- ĐTV xác định là **Có** nếu nếu trong 12 tháng qua ĐTĐT có nhận các công việc như giúp việc gia đình, chăm sóc người già/trẻ em, tư vấn làm đẹp, sửa chữa, lắp đặt thiết bị, dọn vệ sinh nhà cửa ... thông qua việc ĐTĐT đã đăng ký và nhận được công việc trực tiếp từ các ứng dụng trên điện thoại di động /trang web để tạo thu nhập.

+ Chọn nhóm ứng dụng di động/trang web

1. Dịch vụ gia đình, dọn dẹp, sửa chữa: Tích chọn nếu ĐTĐT nhận được công việc thông qua các ứng dụng như bTaskee, JupViec, Giúp Việc Tốt, GrabAssistant/ GrabMart, Ahamove (dịch vụ gia đình)...

*2. Sức khỏe, làm đẹp, chăm sóc cá nhân***:** Tích chọn nếu ĐTĐT sử dụng các ứng dụng như BeautyX, Klook, Lookme, iSalon Booking, Myspa...

*3. Khác***:** Tích chọn nếu ĐTĐT sử dụng ứng dụng/trang web khác ngoài danh sách trên và bắt buộc ghi rõ tên ứng dụng.

- ĐTV xác định là **Không** nếu ĐTĐT không làm các công việc trên thông qua ứng dụng/trang web, hoặc chỉ làm các công việc này theo hình thức truyền thống (được giới thiệu thông qua quen biết, tự tìm việc không qua ứng dụng công nghệ).

Lưu ý:

- Chỉ ghi nhận **mã 1. Có** khi có sự kết nối, nhận ca/giao dịch trực tiếp thông qua nền tảng ứng dụng số (như bTaskee, JupViec...).

- Cần xác định chính xác ĐTĐT là người trực tiếp cung cấp dịch vụ/sức lao động để nhận tiền thu nhập từ ứng dụng, không phải người đóng vai trò khách hàng đặt dịch vụ.

Ví dụ 1 (Trường hợp CÓ - Dịch vụ dọn dẹp gia đình)

Chị K đăng ký làm đối tác trên ứng dụng **bTaskee**. Hàng ngày chị bật ứng dụng để nhận các ca dọn dẹp nhà cửa, nấu ăn theo giờ cho các hộ gia đình có nhu cầu trên địa bàn Hà Nội và nhận tiền công tích lũy qua ứng dụng.

Trả lời: Chị K tạo thu nhập từ việc nhận dịch vụ gia đình qua app. ĐTV chọn Mã 1. Có.

Và ở câu hỏi Tên ứng dụng: ĐTV chọn Mã 1 (đã hiển thị danh sách các ứng dụng di động như: *bTaskee, JupViec, Giúp Việc Tốt, GrabAssistant / GrabMart, Ahamove (dịch vụ gia đình)*...trên giao diện CAPI.

Ví dụ 2 (Trường hợp KHÔNG)

Bà M (55 tuổi) nhận dọn dẹp nhà cửa và giặt giũ cho 3 gia đình trong cùng ngõ thông qua sự giới thiệu của người quen. Bà M không đăng ký là đối tác của bất kỳ ứng dụng di động nào.

Trả lời: Bà M là lao động giúp việc truyền thống, không thuộc nhóm việc làm nền tảng số. ĐTV chọn Mã 2. Không.

Câu 68.6. Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng ứng dụng trên điện thoại di động hoặc trang web để nhận các công việc như gia sư/ dạy học trực tuyến hoặc tư vấn khám/ chữa bệnh từ xa,... không?

Mục đích: Câu hỏi này để xác định nhận diện, thu thập thông tin và đo lường quy mô của nhóm lao động có trình độ chuyên môn cao (như giáo viên, gia sư, bác sĩ, dược sĩ, chuyên gia tư vấn y tế) cung cấp các dịch vụ giáo dục, đào tạo hoặc dịch vụ y tế, khám chữa bệnh từ xa thông qua các ứng dụng di động hoặc

trang web (nền tảng số) để tạo thu nhập trong thời kỳ tham chiếu 12 tháng qua.

Hướng dẫn thực hiện:

- ĐTV xác định là **Có** nếu nếu trong 12 tháng qua, đối tượng điều tra (ĐTĐT) có đăng ký tài khoản chuyên gia/giáo viên/bác sĩ, nhận công việc dạy học hoặc tư vấn khám chữa bệnh tạo thu nhập trực tiếp từ các ứng dụng di động/trang web nền tảng.

+ Chọn nhóm ứng dụng di động/trang web

1. Lĩnh vực Giáo dục/Gia sư trực tuyến): Tích chọn nếu ĐTĐT có đăng ký tham gia làm đối tác cho 1 hoặc một số ứng dụng/nền tảng như Vuihoc, Clevai, Kyna, Preply, Edubox... và nhận được các công việc dạy học/gia sư trực tiếp từ các ứng dụng trên.

2. Lĩnh vực Y tế/Khám chữa bệnh từ xa: Tích chọn nếu ĐTĐT có đăng ký tham gia làm đối tác cho 1 hoặc một số ứng dụng/nền tảng như YouMed, Med247, Doctor Anywhere, Medlatec, Mediplus, BookingCare, Bcare... và nhận được các công trong lĩnh vực y tế trực tiếp từ các ứng dụng trên.

3. Khác: Tích chọn nếu ĐTĐT sử dụng ứng dụng/trang web khác ngoài danh sách trên và bắt buộc ghi rõ tên ứng dụng/trang web.

Lưu ý:

- ĐTV chọn **mã 2. Không** nếu ĐTĐT không dạy học hay khám chữa bệnh qua ứng dụng/trang web, hoặc chỉ thực hiện các công việc này theo hình thức truyền thống (dạy thêm ở trường/lớp, khám chữa bệnh trực tiếp tại bệnh viện/phòng khám).

Ví dụ 1: (Trường hợp CÓ - Lĩnh vực Y tế)

Bác sĩ A công tác tại một bệnh viện công lập. Ngoài giờ làm việc chính thức, bác sĩ A đăng ký tài khoản tư vấn trên ứng dụng **Doctor Anywhere** và **YouMed** để nhận các ca tư vấn sức khỏe từ xa cho bệnh nhân qua cuộc gọi video và nhận thù lao từ nền tảng.

Trả lời: Bác sĩ A tạo thu nhập từ việc cung cấp dịch vụ y tế qua ứng dụng công nghệ. ĐTV chọn **mã 1. Có** và tích chọn nhóm ứng dụng y tế (YouMed, Doctor Anywhere).

Ví dụ 2: (Trường hợp CÓ - Lĩnh vực Giáo dục)

Cô T là giáo viên tiếng Anh tự do. Chị đăng ký làm gia sư trên nền tảng **Preply** để nhận dạy tiếng Anh trực tuyến cho các học viên trong và ngoài nước, tiền thù lao dạy học được nền tảng chuyển về tài khoản hàng tháng.

Trả lời: Chị T cung cấp dịch vụ giáo dục trực tuyến qua nền tảng số. ĐTV chọn Mã 1. Có và tích chọn nhóm ứng dụng **giáo dục** Vuihoc, Clevai, Kyna, Preply, Edubox....

Ví dụ 3: (Trường hợp KHÔNG - Dạy thêm truyền thống):

Thầy Tuấn mở lớp dạy thêm Toán trực tiếp tại nhà cho 10 học sinh. Thầy thu tiền học phí trực tiếp bằng tiền mặt từ phụ huynh.

Trả lời: Thầy Tuấn dạy học theo hình thức truyền thống, không thông qua ứng dụng/trang web kết nối nền tảng số. ĐTV chọn Mã 2. Không.

Câu 68.7. Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng ứng dụng trên điện thoại di động hoặc trang web để nhận làm các công việc như phiên dịch, biên dịch, lập trình, thiết kế đồ họa, nhập liệu, biên tập tài liệu, gắn nhãn dữ liệu,... nhằm tạo thu nhập không?

Mục đích: Câu hỏi này để xác định nhận diện, thu thập thông tin và đo lường quy mô của nhóm lao động tự do có trình độ chuyên môn, kỹ thuật (Freelancer/Digital Worker) cung cấp các dịch vụ văn phòng, CNTT, thiết kế, biên dịch thuật, xử lý dữ liệu thông qua các nền tảng ứng dụng hoặc trang web giao dịch việc làm tự do để tạo thu nhập trong thời kỳ tham chiếu 12 tháng qua.

Hướng dẫn thực hiện:

- Điều tra viên (ĐTV) xác định là **Có** nếu trong 12 tháng qua, đối tượng điều tra (ĐTĐT) có đăng ký tài khoản, tìm kiếm/nhận dự án, thực hiện công việc và tạo thu nhập từ các dịch vụ chuyên môn (lập trình, thiết kế, biên phiên dịch, nhập liệu, xử lý dữ liệu AI...) thông qua các ứng dụng/trang web kết nối việc làm tự do.

Chọn nhóm mã ứng dụng trên CAPI

1. Các sàn giao dịch việc làm tự do/CNTT/Thiết kế/Dịch thuật): Tích chọn nếu ĐTĐT sử dụng các ứng dụng/trang web phổ biến như *Upwork, Freelancer, Fiverr, Vlance, Glints, TopCV (chức năng freelancer)…*

1. Các ứng dụng YouTube, TikTok, Facebook, Instagram, Affiliate;

3. Nhóm ứng dụng cung cấp dịch vụ xử lý dữ liệu (Toloka, Appen);

4. Tích chọn nếu ĐTĐT sử dụng ứng dụng/trang web khác ngoài danh sách trên và bắt buộc ghi rõ tên ứng dụng/trang web.

Lưu ý:

Phân biệt với nhân viên văn phòng/CNTT truyền thống:

- Nhân viên cố định (Chọn "2. Không"): Lập trình viên, phiên dịch viên, nhà thiết kế **làm việc toàn thời gian/bán thời gian theo hợp đồng lao động** cho một doanh nghiệp (dù làm việc từ xa hay tại văn phòng).

- Lao động nền tảng số (Chọn "1. Có"): **Cá nhân tự do** chủ động chào giá, nhận dự án, bàn giao sản phẩm và nhận thanh toán tiền công theo từng hợp đồng/dự án ngắn hạn thông qua giao dịch trên ứng dụng/trang web (Upwork, Fiverr...).

Ví dụ 1: (Trường hợp CÓ - Lập trình & Thiết kế tự do)

Anh D là kỹ sư phần mềm. Ngoài giờ làm việc chính, anh đăng ký tài

khoản trên sàn Upwork để nhận thêm các dự án lập trình website và thiết kế giao diện cho các khách hàng nước ngoài. Tiền công được trả theo giờ hoặc theo dự án chuyển trực tiếp qua cổng thanh toán của Upwork.

Trả lời: Anh D tạo thu nhập từ việc nhận làm các dự án CNTT/thiết kế qua nền tảng số. ĐTV chọn **Mã 1 (Có)** và tích chọn ứng dụng **Upwork**.

Ví dụ 2: (Trường hợp CÓ - Biên dịch & Nhập liệu)

Chị D đăng ký tài khoản trên trang web Freelancer.com để nhận làm các công việc biên dịch tài liệu Anh - Việt và nhập liệu văn bản theo ca.

Trả lời: Chị D cung cấp dịch vụ dịch thuật/nhập liệu qua sàn công nghệ. ĐTV chọn **Mã 1. Có** và tích chọn ứng dụng **Freelancer**.

Ví dụ 3: (Trường hợp KHÔNG - Nhân viên thiết kế chính thức)

Anh L là nhân viên thiết kế đồ họa chính thức thuộc Phòng Marketing của Công ty Truyền thông X, hưởng lương cố định hàng tháng theo hợp đồng lao động 3 năm. Anh T làm việc từ xa tại nhà qua công cụ Zoom/Slack do công ty giao.

Trả lời: Anh L là lao động có hợp đồng chính thức, không phải lao động nhận việc tự do qua nền tảng số. ĐTV chọn Mã 2. Không.

Câu 68.8. Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng ứng dụng trên điện thoại di động hoặc trang web để cung cấp dịch vụ cho thuê tài sản nhằm tạo thu nhập không?

Mục đích: Câu hỏi này để xác định nhận diện, thu thập thông tin và đo lường quy mô của nhóm lao động/hộ gia đình tham gia có các hoạt động **cho thuê tài sản** cá nhân hoặc tài sản sở hữu (như nhà ở, căn hộ, phòng trọ, xe máy, xe ô tô, thiết bị...) trên các ứng dụng di động hoặc trang web nền tảng số để tạo thu nhập trong thời kỳ tham chiếu 12 tháng qua.

Hướng dẫn thực hiện:

- Điều tra viên (ĐTV) xác định trạng thái **"CÓ"** nếu trong 12 tháng qua, đối tượng điều tra (ĐTĐT) có đăng ký tài khoản chủ nhà/chủ xe/chủ tài sản, đăng bài cho thuê, quản lý lịch đặt và nhận được tiền thuê tài sản trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các ứng dụng di động/trang web.

Chọn nhóm mã ứng dụng trên CAPI

1. Cho thuê lưu trú/phòng ở: Tích chọn nếu ĐTĐT cho thuê phòng, căn hộ, nhà nguyên căn, homestay qua các nền tảng như Airbnb, Booking.com, Agoda, Traveloka, Luxstay, Vntrip...

2. Cho thuê phương tiện/xe tự lái: Tích chọn nếu ĐTĐT cho thuê ô tô, xe máy tự lái qua các nền tảng như MIOTO, Xanh SM (tính năng cho thuê xe),

3. Khác: Tích chọn nếu ĐTĐT cho thuê các loại tài sản khác (như đồ dùng, máy ảnh, trang phục, mặt bằng...) qua các trang web/ứng dụng khác ngoài danh sách trên và ghi rõ tên ứng dụng/trang web mà ĐTĐT đăng ký để

cho thuê tài sản.

ĐTV xác định mã 2. **Không** nếu ĐTĐT không cho thuê tài sản qua ứng dụng/trang web, hoặc chỉ cho thuê tài sản theo hình thức truyền thống (cho thuê nhà trọ, cho thuê xe trực tiếp qua hợp đồng giấy tay, quen biết cá nhân không qua ứng dụng số).

Lưu ý:

Phân biệt cho thuê qua nền tảng số và cho thuê truyền thống:

- **Truyền thống (Chọn mã 2. Không):** Chủ nhà trọ cho thuê phòng, chủ xe cho thuê xe tự lái thỏa thuận trực tiếp bằng miệng/hợp đồng giấy mà không đăng ký quản lý lịch đặt, thanh toán hay vận hành trên các ứng dụng/trang web chuyên biệt.

- Nền tảng số (Chọn mã 1. Có): Việc đăng tải thông tin tài sản, tìm kiếm khách thuê, đặt lịch (booking) và xác nhận giao dịch/thanh toán được hỗ trợ hoặc thực hiện chủ yếu qua nền tảng công nghệ (Airbnb, Mioto...).

Vai trò của người trả lời: ĐTĐT phải là người sở hữu hoặc quản lý tài sản đứng ra cho thuê để tạo thu nhập, không phải là người đi thuê tài sản.

Ví dụ 1: (Trường hợp CÓ - Cho thuê lưu trú):

Anh C có 1 căn hộ chung cư nhàn rỗi. Anh đăng ký tài khoản chủ nhà trên Airbnb và Agoda để đón khách du lịch thuê theo ngày. Toàn bộ lịch nhận phòng và tiền thuê được quản lý, thanh toán qua Ứng dụng Airbnb và Agoda.

Trả lời: Anh C có thu nhập từ cho thuê tài sản qua nền tảng số. ĐTV chọn 1. Có và tích chọn mã 1 (Airbnb, Booking.com, Agoda, Traveloka).

Ví dụ 2: (Trường hợp CÓ - Cho thuê xe tự lái)

Chị A có 1 chiếc ô tô 4 chỗ ít sử dụng. Chị đưa xe lên ứng dụng MIOTO để cho khách thuê tự lái theo ngày và nhận tiền thuê qua ứng dụng sau khi trừ phí hoa hồng cho sàn.

Trả lời: Chị A cho thuê phương tiện qua ứng dụng công nghệ. ĐTV chọn 1. Có và tích chọn mã 2 (MIOTO, Green SM).

Ví dụ 3: (Trường hợp KHÔNG - Cho thuê nhà trọ truyền thống)

Ông C có dãy nhà trọ 5 phòng cho công nhân thuê dài hạn. Hàng tháng ông C đến tận nơi thu tiền mặt trực tiếp.

Trả lời: Đây là hoạt động cho thuê tài sản truyền thống. ĐTV chọn 2. Không.

Câu 68.9. Trong 12 tháng qua, [TÊN] có sử dụng ứng dụng trên điện thoại di động hoặc trang web để nhận hoặc thực hiện bất kỳ công việc nào khác nhằm tạo thu nhập không?

Mục đích: Câu hỏi này để xác định nhận diện, thu thập thông tin và đo lường quy mô của nhóm lao động/hộ gia đình cung cấp các dịch vụ chuyên biệt, dịch vụ cá nhân và dịch vụ tài chính/kinh doanh khác các loại hình đã hỏi từ câu 68.1 đến

câu 68.8 thông qua việc kết nối, nhận đơn từ các ứng dụng di động hoặc trang web nền tảng số trong thời kỳ tham chiếu 12 tháng qua.

Hướng dẫn thực hiện:

- Điều tra viên (ĐTV) xác định là **''Có''** nếu trong 12 tháng qua, đối tượng điều tra (ĐTĐT) có đăng ký tài khoản, cung cấp dịch vụ, xử lý giao dịch hoặc nhận đơn hàng/công việc để tạo thu nhập thông qua các ứng dụng di động/trang web mà không thuộc phạm vi những công việc được hỏi từ C68.1 đến C68.8.

- Ghi rõ tên ứng dụng di động/trang web mà ĐTĐT sử dụng để nhận đơn hàng/công việc để tạo thu nhập

- Điều tra viên (ĐTV) xác định là **''Không''** nếu trong 12 tháng qua, đối tượng điều tra (ĐTĐT) xác định ngoài các công việc đã làm hoặc không làm từ câu C68.1 đến 68.8, thì ĐTĐT không nhận được công việc tạo thu nhập nào từ các ứng dụng di động/trang web.

Lưu ý:

Phân biệt với các nhóm câu hỏi từ 68.1 đến 68.8:

Không trùng lặp: Câu 68.9 là câu hỏi mở rộng (**nhóm vét**) dành cho tất cả các dịch vụ nền tảng số **chưa được liệt kê ở các câu từ 68.1 đến 68.8** (không phải bán hàng TMĐT, không phải sáng tạo nội dung, không phải giúp việc/dọn dẹp, không phải dạy học/khám bệnh, không phải IT/thiết kế/phiên dịch, và không phải tài xế/cho thuê tài sản).

Nguyên tắc nền tảng số: Chỉ ghi nhận **"Có"** khi quy trình nhận khách, đặt lịch hoặc thanh toán dịch vụ được thực hiện trực tiếp qua cơ chế tích hợp của ứng dụng hoặc trang web.

Ví dụ 1: (Trường hợp CÓ - Dịch vụ chăm sóc thú cưng):

Bạn Lê Thu T đăng ký tài khoản làm người chăm sóc thú cưng trên ứng dụng **PetBacker**. Hàng tuần, bạn nhận nhận trông giữ và dắt chó đi dạo cho các chủ nuôi bận rộn đặt dịch vụ qua app và nhận tiền thù lao từ ứng dụng.

Trả lời: Bạn T có thu nhập từ dịch vụ chăm sóc thú cưng qua ứng dụng số. ĐTV chọn 1. Có và Ghi tên ứng dụng là: **PetBacker** (ứng dụng chăm sóc thú cưng)

Ví dụ 2 (Trường hợp CÓ - Dịch vụ bán vé/sự kiện):

Anh Hoàng tạo tài khoản tổ chức sự kiện trên **Ticketbox** để bán vé tham quan các buổi biểu diễn âm nhạc nhỏ do anh tự tổ chức và quản lý doanh thu bán vé trực tuyến qua nền tảng.

Trả lời: Anh Hoàng sử dụng nền tảng số để cung cấp dịch vụ sự kiện/bán vé tạo thu nhập. ĐTV chọn 1. Có và Ghi tên ứng dụng là: **Ticketbox** (ứng dụng bán vé sự kiện)

Ví dụ 3 (Trường hợp KHÔNG - Thợ chụp ảnh truyền thống):

Anh K làm thợ chụp ảnh tự do. Anh chỉ nhận chụp ảnh cưới hoặc sự kiện khi có bạn bè giới thiệu trực tiếp hoặc qua gọi điện thoại, thỏa thuận tiền công trực tiếp bằng tiền mặt.

Trả lời: Anh K cung cấp dịch vụ theo hình thức truyền thống, không qua ứng dụng/trang web nền tảng số. ĐTV chọn 2. Không.

KIỂM TRA 1 (KT1): NẾU C68.1 ĐẾN C68.9 CÓ ÍT NHẤT 1 CÂU TRẢ LỜI LÀ CÓ, HỎI CÂU 68.10. KHÁC, CHUYỂN SANG HỎI PHẦN 6: CÔNG VIỆC GIA ĐÌNH.

Câu 68.10. Nêu tối đa tên 03 nền tảng ứng dụng mà [TÊN] sử dụng nhiều nhất trong 12 tháng qua?

Mục đích: Câu hỏi này dùng để xác định ứng dụng di động (nền tảng số) **chính** mà đối tượng điều tra (ĐTĐT) tham gia hoạt động tạo thu nhập nhiều nhất trong thời kỳ tham chiếu 12 tháng qua.

Hướng dẫn thực hiện:

Chương trình CAPI sẽ các ứng dụng di động (nền tảng số) được phân theo nhóm công việc cụ thể để ĐTV hỏi ĐTĐT và **chọn tối đa 3** ứng dụng được ĐTĐT sử dụng nhiều nhất để nhận công việc và kiếm thu nhập.

Trường hợp ĐTĐT **sử dụng từ 4 ứng dụng trở lên:** ĐTV hướng dẫn ĐTĐT lựa chọn ra tối đa 03 ứng dụng được sử dụng nhiều nhất dựa trên các tiêu chí ưu tiên theo thứ tự: Ứng dụng (Nền tảng) có tần suất hoạt động thường xuyên nhất và kiếm được nhiều tiền nhất.

Lưu ý:

Phân biệt vai trò sử dụng: Chỉ ghi nhận các ứng dụng mà ĐTĐT **trực tiếp sử dụng để nhận đơn, nhận việc, bán hàng hoặc đăng tải nội dung... với mục đích là tạo thu nhập**, tuyệt đối không ghi nhận các ứng dụng ĐTĐT chỉ sử dụng với vai trò người mua hàng/khách hàng tiêu dùng.

Ví dụ 1: (Trường hợp ĐTĐT dùng dưới 3 ứng dụng):

Anh N trong 12 tháng qua vừa đăng ký chạy xe chở khách trên ứng dụng Grab (C68.1 = Có) vừa nhận giao hàng trên ShopeeFood (C68.2 = Có).

Trả lời: Anh N chỉ sử dụng 2 ứng dụng. ĐTV tích chọn 2 ứng dụng tại C68.10:

1. Grab
2. ShopeeFood

Ví dụ 2: (Trường hợp ĐTĐT dùng trên 3 ứng dụng - Xác định ưu tiên):

Chị H kinh doanh bán hàng trên Shopee, TikTok Shop, Lazada (C68.3 = Có), đồng thời làm video đăng lên YouTube và TikTok để nhận tiền quảng cáo/Affiliate (C68.4 = Có). Tổng cộng chị H dùng 4 nền tảng (Shopee, TikTok/TikTok Shop, Lazada, YouTube). Chị H cho biết Shopee và TikTok mang

lại hơn 80% thu nhập và ngốn nhiều thời gian nhất, tiếp theo là Lazada, còn YouTube chị thỉnh thoảng mới đăng.

Trả lời: ĐTV hướng dẫn chị H chọn 3 ứng dụng quan trọng nhất theo tiêu chí thu nhập và thời gian. Kết quả chọn tại C68.10:

1. Shopee
2. TikTok (bao gồm cả TikTok Shop)
3. Lazada

Câu 68.11. Ứng dụng [TÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LIỆT KÊ Ở C68.10] mà [TÊN] sử dụng có các chức năng sau đây không? (CÓ THỂ CHỌN NHIỀU ĐÁP ÁN)

Mục đích: Câu hỏi này dùng để Kiểm tra các chức năng: chức năng tổ chức/chức năng trung gian/chức năng kiểm soát của nền tảng. Việc xác định các chức năng này làm cơ sở đánh giá xem nền tảng đóng vai trò là đơn vị trung gian đơn thuần hay có sự quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động lao động.

Hướng dẫn thực hiện:

- Chương trình CAPI sẽ tự động chèn tên các ứng dụng mà đối tượng điều tra (ĐTĐT) đã lựa chọn tại Câu 68.10 vào nội dung câu hỏi.

- ĐTV hỏi lần lượt từng chức năng và tích chọn tất cả các đáp án phù hợp với thực tế vận hành của các ứng dụng đó (Được chọn nhiều đáp án).

Định nghĩa các phương án trả lời để ĐTV giải thích cho ĐTĐT

1. Nhận việc, kết nối với khách hàng: Ứng dụng là kênh hiển thị danh sách công việc, đơn hàng hoặc hiển thị yêu cầu của khách hàng để ĐTĐT chủ động chọn hoặc nhận.

2. Phân công hoặc giao việc: Ứng dụng tự động điều phối, chỉ định ca làm việc hoặc tự nổ đơn/giao nhiệm vụ trực tiếp cho ĐTĐT thông qua thuật toán.

3. Thu tiền hoặc xử lý thanh toán: Ứng dụng thu tiền cước/tiền hàng trực tiếp từ khách (qua ví điện tử, thẻ) rồi chuyển lại cho ĐTĐT, hoặc quản lý ví tài khoản tích lũy của ĐTĐT.

4. Quy định hoặc gợi ý mức giá: Ứng dụng áp đặt mức giá cố định cho dịch vụ (như cước xe, cước giao hàng) hoặc tự đưa ra mức giá đề xuất/khung giá cho các bên thỏa thuận.

5. Đánh giá hoặc xếp hạng người cung cấp dịch vụ: Ứng dụng có hệ thống cho phép khách hàng chấm điểm (sao), viết nhận xét hoặc hệ thống tự xếp hạng hiệu suất (hạng Bạch Kim, Vàng, Bạc...) của ĐTĐT.

6. Có thể tạm khóa hoặc chấm dứt tài khoản: Ứng dụng có chế độ cảnh báo, tạm khóa tài khoản có thời hạn hoặc tước quyền truy cập/khóa vĩnh viễn tài khoản nếu ĐTĐT vi phạm quy định hoặc bị đánh giá sao thấp.

7. Giải quyết tranh chấp dịch vụ: Ứng dụng có bộ phận tiếp nhận khiếu nại,

đứng ra phân xử đền bù hỏng hóc/mất mát hàng hóa hoặc hoàn tiền giữa ĐTĐT và khách hàng.

*8. Khác***:** Các chức năng kiểm soát/hỗ trợ khác chưa nêu trên (ĐTV tích chọn và ghi rõ nội dung).

Lưu ý:

- Nếu ĐTĐT liệt kê 2–3 ứng dụng ở C68.10, ĐTV xác định các chức năng này dựa trên **tổng thể các ứng dụng đã chọn**. Chỉ cần có ít nhất 1 trong các ứng dụng đó có chức năng tương ứng thì ĐTV được phép tích chọn.

- Một số ĐTĐT chỉ sử dụng ứng dụng để chạy xe/giao hàng mà không đọc hợp đồng hay chính sách. ĐTV cần gợi ý từ các tình huống thực tế (ví dụ: *"Khi khách hủy chuyến hay đánh giá 1 sao làm tụt điểm tín nhiệm thì app có can thiệp hay khóa tài khoản không?"*)

Ví dụ 1: (Tài xế xe công nghệ Grab/Xanh SM):

Anh Nguyễn Văn A chạy GrabCar (đã khai ở C68.10 là Grab). Anh cho biết: App tự nổ cuốc giao cho anh, giá cước do app tính sẵn, tiền khách trả qua thẻ app giữ rồi chuyển về ví tài khoản, khách hàng chấm sao sau mỗi chuyến, nếu điểm sao dưới 4.5 hoặc tỷ lệ hủy chuyến cao thì app sẽ gửi cảnh báo hoặc khóa tài khoản 3 ngày.

ĐTV tích chọn các ô:

[x] Nhận việc, kết nối với khách hàng

[x] Phân công hoặc giao việc

[x] Thu tiền hoặc xử lý thanh toán

[x] Quy định hoặc gợi ý mức giá

[x] Đánh giá hoặc xếp hạng người cung cấp dịch vụ

[x] Có thể tạm khóa hoặc chấm dứt tài khoản

[x] Giải quyết tranh chấp dịch vụ

Ví dụ 2: (Người bán hàng trên Shopee/TikTok Shop):

Chị Lê Thị B bán hàng quần áo trên sàn Shopee (đã khai ở C68.10 là Shopee). Chị tự đăng sản phẩm và tự đặt giá bán. Tuy nhiên, Shopee là nơi thu tiền của khách trước rồi chuyển vào Ví Shopee của chị, cho phép khách đánh giá từ 1 đến 5 sao, hỗ trợ xử lý trả hàng/hoàn tiền khi có khiếu nại, và sàn sẽ khóa gian hàng nếu chị bán hàng giả/hàng nhái.

ĐTV tích chọn các ô:

[x] Nhận việc, kết nối với khách hàng

[x] Thu tiền hoặc xử lý thanh toán

[x] Đánh giá hoặc xếp hạng người cung cấp dịch vụ

[x] Có thể tạm khóa hoặc chấm dứt tài khoản

[x] Giải quyết tranh chấp dịch vụ

Câu 68.12. [TÊN] có nhận được hoặc tìm được khách hàng, công việc hoặc nhiệm vụ thông qua các nền tảng ứng dụng [TÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LIỆT KÊ Ở C68.10] không?

Mục đích: Xác nhận công việc, khách hàng hoặc nhiệm vụ có thực sự được nhận/tìm qua nền tảng hay không.

Hướng dẫn thực hiện:

Xác định phương án trả lời

1. Có: Tích chọn nếu trong 12 tháng qua, ĐTĐT đã thực sự nhận được ít nhất 01 đơn hàng, cuốc xe, khách hàng, dự án hoặc nhiệm vụ thông qua các ứng dụng đã nêu tại C68.10.

2. Không: Tích chọn nếu ĐTĐT có đăng ký tài khoản, bật ứng dụng hoặc nộp hồ sơ/chào giá trên ứng dụng đã nêu tại C68.10 nhưng không nhận được bất kỳ công việc, nhiệm vụ hay khách hàng nào trong suốt 12 tháng qua.

Không căn cứ vào việc có hoàn thành công việc hay không: Chỉ cần ứng dụng có kết nối và giao dịch/nhiệm vụ được xác nhận kết nối thành công (dù sau đó khách hàng hủy hoặc chưa thanh toán) thì vẫn xác định là mã 1. Có.

Ví dụ 1 (Trường hợp CÓ - Có phát sinh đơn hàng/công việc):

Tình huống: Anh Trần Văn M đăng ký tài khoản tài xế trên ứng dụng Grab và Be (đã khai ở C68.10). Trong năm qua, anh M thường xuyên nhận được các cuốc xe chở khách nổ từ ứng dụng Grab.

Trả lời: Anh M thực sự nhận được công việc và khách hàng qua ứng dụng. ĐTV tích chọn mã 1. Có.

Ví dụ 2 (Trường hợp CÓ - Dùng nhiều app, chỉ 1 app có việc):

Tình huống: Chị Lê Thị N làm dịch thuật tự do, chị đăng ký tài khoản trên hai trang web là Upwork và Fiverr (khai ở C68.10). Trong 12 tháng qua, chị N chỉ nhận được 2 dự án dịch thuật từ khách hàng trên Upwork, còn tài khoản trên Fiverr chị chưa nhận được dự án nào.

Trả lời: Chị N đã tìm được công việc/dự án thông qua nền tảng Upwork. ĐTV tích chọn mã 1. Có.

Ví dụ 3 (Trường hợp KHÔNG - Đăng ký nhưng không có việc):

Tình huống: Anh Nguyễn Văn K tạo gian hàng bán đồ gỗ lưu niệm trên TikTok Shop (khai ở C68.10). Anh đã đăng tải sản phẩm lên gian hàng được 6 tháng nhưng do không chạy quảng cáo nên chưa có khách hàng nào đặt mua qua sàn.

Trả lời: Anh K chưa nhận được khách hàng hay nhiệm vụ nào qua nền tảng. ĐTV tích chọn **mã 2. Không.**

Câu 68.13. [TÊN] nhận tiền thanh toán qua hình thức nào?

Mục đích: Xác định phương thức thanh toán: thanh toán thông qua ứng dụng, thanh toán trực tiếp, cả hai hoặc không được thanh toán.

Hướng dẫn thực hiện

1. Thông qua ứng dụng: Toàn bộ tiền thù lao/doanh thu được thanh toán gián tiếp qua cơ hệ thống của ứng dụng. Khách hàng trả tiền qua ví điện tử, thẻ ngân hàng tích hợp trên app, sau đó nền tảng trừ phí/chiết khấu và chuyển tiền vào ví tài khoản hoặc tài khoản ngân hàng của ĐTĐT.

2. Khách hàng thanh toán trực tiếp: ĐTĐT nhận tiền trực tiếp từ khách hàng (bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cá nhân trực tiếp từ khách hàng vào tài khoản cá nhân của ĐTĐT) mà không thông qua hệ thống ví/cổng thanh toán trung gian của ứng dụng.

3. Cả 2 hình thức: ĐTĐT nhận thu nhập dưới cả hai hình thức nêu trên (Ví dụ: Chuyến xe này nhận tiền mặt trực tiếp từ khách, chuyến xe sau nhận tiền qua ví app).

4. Không nhận được thanh toán: ĐTĐT đã hoàn thành công việc/nhiệm vụ nhưng chưa hoặc không nhận được bất kỳ khoản thanh toán nào (do bị xù tiền, bị bùng đơn, hoặc công việc đang trong thời gian đối soát chưa đến kỳ trả). (Lưu ý: Nếu phiếu in hoặc phần mềm CAPI đã cập nhật bỏ mã 4 theo góp ý nghiệp vụ, ĐTV căn cứ theo đúng danh mục hiển thị trên màn hình CAPI).

Lưu ý:

Phân biệt chuyển khoản trực tiếp và chuyển khoản qua App:

- Nếu khách hàng dùng ứng dụng ngân hàng quét mã QR/chuyển khoản trực tiếp cho ĐTĐ, xác định là **Khách hàng thanh toán trực tiếp (Mã 2);**

- Nếu khách hàng nạp tiền hoặc thanh toán trên ứng dụng công nghệ (GrabPay, ShopeePay, Shopee ví, Upwork Escrow...) rồi ứng dụng mới giải ngân cho ĐTĐT, xác định là **Thông qua ứng dụng (Mã 1).**

Ví dụ 1: (Thanh toán qua ứng dụng):

Tình huống: Anh K làm thiết kế đồ họa tự do trên sàn Upwork (đã khai ở C68.10). Khi nhận dự án, khách hàng nộp tiền vào hệ thống Upwork. Sau khi anh K hoàn thành bài thiết kế và khách xác nhận, Upwork giải ngân tiền vào tài khoản ví Upwork của anh K.

Trả lời: Tiền được xử lý và trung gian qua nền tảng. ĐTV tích chọn mã 1. Thông qua ứng dụng.

Ví dụ 2: (Thanh toán cả 2 hình thức):

Tình huống: Anh M chạy GrabBike. Có cuốc xe khách chọn trả bằng tiền mặt (anh M thu tiền mặt trực tiếp), có cuốc khách trả qua Ví GrabPay (tiền cộng vào ví tài khoản tài xế trên app).

Trả lời: Anh M thu tiền qua cả 2 phương thức. ĐTV tích chọn mã 3. Cả 2 hình thức.

Ví dụ 3: (Thanh toán trực tiếp):

Tình huống: Chị Lê Thị N dạy kèm tiếng Anh trực tuyến qua ứng dụng kết nối Edubox. Ứng dụng chỉ đóng vai trò kết nối phụ huynh với chị. Sau khi thỏa thuận, phụ huynh chuyển tiền học phí trực tiếp hàng tháng vào tài khoản ngân hàng cá nhân của chị N.

Trả lời: Tiền do khách hàng (phụ huynh) trả trực tiếp cho người lao động. ĐTV tích chọn **"2. Khách hàng thanh toán trực tiếp".**

Câu 68.14. Công việc trên nền tảng ứng dụng [TÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LIỆT KÊ Ở C68.10] được [TÊN] thực hiện với tần suất như thế nào?

Mục đích: Câu hỏi này dùng để thu thập thông tin về tần suất và độ thường xuyên khi tham gia công việc trên các nền tảng ứng dụng số của người lao động trong thời kỳ tham chiếu 12 tháng qua. Tần suất này làm cơ sở quan trọng để phân loại mức độ tham gia thị trường lao động số (thường xuyên hay thời vụ/thỉnh thoảng) và làm điều kiện điều hướng (KT2) cho câu hỏi đo lường thời gian làm việc (C68.15).

Hướng dẫn thực hiện:

Định nghĩa các phương án trả lời

1. Hằng ngày/hầu như hằng ngày: ĐTĐT thực hiện công việc trên nền tảng số liên tục hầu như tất cả các ngày trong tuần (từ 5 đến 7 ngày/tuần).

2. Hằng tuần/Hầu như hằng tuần: ĐTĐT làm việc đều đặn theo tuần nhưng không làm hằng ngày (ví dụ: làm 1 - 4 ngày/tuần, hoặc chỉ làm cố định vào các ngày cuối tuần).

3. Hằng tháng/Hầu như hằng tháng: ĐTĐT làm việc theo chu kỳ tháng (ví dụ: chỉ nhận ca/dự án làm trong vài ngày thuộc một hoặc vài tuần trong tháng, nhưng tháng nào cũng có làm).

4. Vài lần trong năm: ĐTĐT chỉ làm thỉnh thoảng, rải rác một vài đợt/vài tháng trong năm, không duy trì đều đặn hằng tháng.

5. Chỉ một lần trong năm: ĐTĐT chỉ làm duy nhất 01 đợt hoặc 01 dự án trong suốt 12 tháng qua.

Lưu ý:

- ĐTV đánh giá tần suất dựa trên **tổng thời gian ĐTĐT làm việc trên tất cả các ứng dụng đã chọn tại C68.10**. Nếu ĐTĐT làm ứng dụng A hằng tuần, ứng dụng B hằng tuần vào các ngày khác nhau hợp lại thành hằng ngày thì tích chọn **"1. Hằng ngày/hầu như hằng ngày"**.

Ví dụ 1: (Làm hằng ngày):

Tình huống: Anh Nguyễn Văn A chạy GrabCar (khai ở C68.10 là Grab).

Anh A bật ứng dụng nhận khách từ thứ Hai đến thứ Bảy hằng tuần.

Trả lời: Tần suất diễn ra hầu như mỗi ngày. ĐTV tích chọn "1. Hằng ngày/hầu như hằng ngày". (CAPI sẽ chuyển sang C68.15 hỏi số giờ/tuần).

Ví dụ 2: (Làm hằng tuần):

Tình huống: Chị Lê Thị B là sinh viên, chị đăng ký dọn dẹp nhà cửa trên bTaskee (khai ở C68.10). Chị B chỉ bật app nhận ca dọn dẹp vào hai ngày Thứ 7 và Chủ nhật hằng tuần.

Trả lời: Tần suất làm việc duy trì đều đặn theo tuần. ĐTV tích chọn "2. Hằng tuần/Hầu như hằng tuần". (CAPI sẽ chuyển sang C68.15 hỏi số giờ/tuần).

Ví dụ 3: (Làm thỉnh thoảng vài lần trong năm):

Tình huống: Anh Trần Văn C làm kế toán công ty. Vào dịp cận Tết Âm lịch và đợt hè, anh đưa ô tô cá nhân lên app MIOTO cho thuê tự lái được khoảng 3 đợt trong năm.

Trả lời: Tần suất không thường xuyên, chỉ rải rác vài lần. ĐTV tích chọn "4. Vài lần trong năm". (CAPI sẽ chuyển sang C68.15 hỏi số giờ/năm).

KIỂM TRA 2: KT2. LIÊN KẾT VỚI PHƯƠNG ÁN TRẢ LỜI Ở CÂU 68.14 ĐỂ CAPI HIỂN THỊ PHÙ HỢP:

NẾU C68.14 = 1 hoặc 2 → C68.15: HỎI GIỜ/TUẦN

NẾU C68.14 = 3 → C68.15: HỎI GIỜ/THÁNG

NẾU C68.14 = 4, 5 → C68.15: HỎI GIỜ/NĂM

Câu 68.15. [TÊN] thường dành khoảng bao nhiêu giờ/ [TUẦN/THÁNG/NĂM] để làm việc thông qua các nền tảng ứng dụng trên, bao gồm cả thời gian chờ nhận việc, tìm khách hàng và thực hiện công việc?

(CAPI TỰ ĐỘNG HIỂN THỊ CÂU HỎI:

Nếu C68.14 = 1 hoặc 2: "[TÊN] thường dành khoảng bao nhiêu giờ/tuần để làm việc thông qua các nền tảng ứng dụng trên, bao gồm cả thời gian chờ nhận việc, tìm khách hàng và thực hiện công việc?

Nếu C68.14 = 3 : "[TÊN] thường dành khoảng bao nhiêu giờ/tháng để làm việc thông qua các nền tảng ứng dụng trên, bao gồm cả thời gian chờ nhận việc, tìm khách hàng và thực hiện công việc?

Nếu C68.14 = 4 hoặc 5: "[TÊN] thường dành khoảng bao nhiêu giờ/năm để làm việc thông qua các nền tảng ứng dụng trên, bao gồm cả thời gian chờ nhận việc, tìm khách hàng và thực hiện công việc?

Mục đích: Để **đo lường tổng thời gian lao động** thực tế mà đối tượng điều tra (ĐTĐT) dành cho các công việc thực hiện thông qua các nền tảng ứng dụng số.

Hướng dẫn thực hiện:

Đơn vị thời gian (Cơ chế lọc từ KT2)

Đơn vị thời gian (TUẦN/THÁNG/NĂM) trong câu hỏi sẽ do phần mềm CAPI tự động xác định và hiển thị dựa trên câu trả lời về tần suất làm việc ở Câu 68.14 (KT2):

- **Nếu C68.14 = 1 hoặc 2** (Hằng ngày/Hằng tuần) -> CAPI hiển thị hỏi: **Số giờ / TUẦN**.

- **Nếu C68.14 = 3** (Hằng tháng) -> CAPI hiển thị hỏi: **Số giờ/THÁNG.**

- **Nếu C68.14 = 4 hoặc 5** (Vài lần trong năm/1 lần trong năm) -> CAPI hiển thị hỏi: **Số giờ/NĂM.**

Quy tắc tính tổng số giờ làm việc:

- ĐTV phải hướng dẫn ĐTĐT tính **TỔNG SỐ GIỜ** bao gồm đầy đủ **3 cấu phần thời gian** sau:

1. Thời gian trực tiếp thực hiện công việc: Thời gian chở khách, thời gian di chuyển giao hàng/đồ ăn, thời gian dạy học, làm thiết bị, viết bài, thiết kế, dọn dẹp nhà cửa...

2. Thời gian chờ nhận việc/chờ nổ đơn: Thời gian bật ứng dụng ở trạng thái sẵn sàng (online) đỗ xe chờ nổ chuyến, thời gian bật app chờ phân công ca...

3. Thời gian tìm kiếm công việc/khách hàng: Thời gian truy cập ứng dụng/trang web để tìm kiếm dự án, chào giá (bid bài), đăng tải hình ảnh/sản phẩm lên gian hàng sàn TMĐT...

Lưu ý:

- Tránh bỏ sót thời gian chờ: ĐTĐT (đặc biệt là tài xế/shipper công nghệ) thường có xu hướng chỉ đếm số giờ xe lăn bánh chở khách/giao hàng. ĐTV bắt buộc phải giải thích và nhắc nhở: *"Tính cả thời gian anh/chị bật app ngồi chờ nổ đơn trên đường hay tại điểm đỗ"*.

- Nguyên tắc cộng dồn nhiều ứng dụng: Nếu ĐTĐT làm việc trên 2 hoặc 3 ứng dụng (ở C68.10), ĐTV phải hướng dẫn ĐTĐT cộng tổng số giờ làm việc của **tất cả các ứng dụng đó** trong khoảng thời gian tương ứng (Tuần/Tháng/Năm).

- Đối với trường hợp ĐTĐT cho thuê tài sản thông qua ứng dụng nền tảng để tạo thu nhập thì thời gian được tính bao gồm thời gian ĐTĐT thực hiện các thao tác để đăng và quảng bá thông tin cho thuê, quản lý hoặc xác nhận đặt chỗ, trao đổi với khách hàng, chuẩn bị hoặc dọn dẹp tài sản, giao nhận chìa khóa, quản lý hoặc tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến việc cho thuê.

Ví dụ 1: (Đơn vị tính theo TUẦN - Tài xế xe công nghệ):

Tình huống: Anh Nguyễn Văn A chạy Grab (C68.14 = 1 - Hằng ngày). Mỗi tuần anh làm 6 ngày. Trung bình mỗi ngày anh bật app từ 8h00 đến 16h00 (8

tiếng/ngày). Trong 8 tiếng đó, anh có 5 tiếng thực sự chở khách và 3 tiếng đỗ xe lướt điện thoại chờ nổ chuyến.

Cách tính: Tổng thời gian 1 ngày = 5h (chở khách) + 3h (chờ chuyến) = 8 giờ/ngày. Tổng cả tuần = 8 giờ x 6 ngày = 48 giờ/tuần.

Trả lời: Nhập vào CAPI ở C68.15: 48 (giờ/tuần).

Ví dụ 2: (Đơn vị tính theo THÁNG - Bán hàng TMĐT):

Tình huống: Chị Lê Thị B bán hàng trên Shopee (C68.14 = 3 - Hằng tháng). Trong 1 tháng, chị dành 20 ngày để làm việc trên sàn Shopee, mỗi ngày chị dành khoảng 2 giờ để đăng sản phẩm, trả lời tin nhắn khách hàng và đóng gói đơn hàng.

Cách tính: Tổng số giờ trong tháng = 2 giờ/ngày x 20 ngày = 40 giờ/tháng.

Trả lời: Nhập vào CAPI ở C68.15: 40 (giờ/tháng).

Ví dụ 3: (Đơn vị tính theo NĂM - Cho thuê tài sản):

Tình huống: Anh Trần Văn C cho thuê phòng trên ứng dụng Airbnb. Một ngày anh thường dùng **2 giờ** để để đăng và quảng bá thông tin cho thuê, quản lý hoặc xác nhận đặt chỗ, trao đổi với khách hàng, **3 giờ** để chuẩn bị hoặc dọn dẹp tài sản, giao nhận chìa khóa, quản lý hoặc tổ chức thực hiện các công việc liên quan đến việc cho thuê. Mỗi tuần anh làm 6 ngày.

Cách tính: Tổng thời gian 1 ngày = 2h + 3h = 5 giờ/ngày. Tổng cả tuần = 5 giờ x 6 ngày = 30 giờ/tuần.

Trả lời: Nhập vào CAPI ở C68.15: 30 (giờ/tuần).

KIỂM TRA 3. KT3: NẾU C68.14 = 1/2/3, C68.16 HIỂN THỊ CÂU HỎI: TRONG THÁNG QUA. NẾU C68.14=4/5, C68.16 HIỂN THỊ CÂU HỎI: TRONG 12 THÁNG QUA

Câu 68.16. Số tiền [TÊN] nhận được từ công việc thông qua ứng dụng [TÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LIỆT KÊ Ở C68.10] chiếm khoảng bao nhiêu phần trăm thu nhập từ việc làm trong tháng qua/trong 12 tháng qua?

Mục đích: Để đo tỷ trọng thu nhập có được từ công việc trên nền tảng số trong tổng thu nhập từ việc làm.

Hướng dẫn thực hiện:

Xác định thời kỳ tham chiếu

- Thời kỳ tham chiếu trong nội dung câu hỏi sẽ do phần mềm CAPI tự động xác định và hiển thị dựa trên tần suất làm việc đã kê khai ở Câu 68.14 (KT3):

- Nếu C68.14 = 1, 2, 3 (Làm hằng ngày/Hằng tuần/Hằng tháng) ->CAPI hiển thị thời kỳ tham chiếu: TRONG THÁNG QUA.

- Nếu C68.14 = 4, 5 (Làm vài lần trong năm/1 lần trong năm) ->CAPI hiển thị thời kỳ tham chiếu: TRONG 12 THÁNG QUA.

Định nghĩa các khoảng tỷ trọng thu nhập để ĐTV hướng dẫn ĐTĐT lựa chọn (Chọn 01 phương án phù hợp nhất):

1. Dưới 25% (Ít hoặc không đáng kể): Khoản thu nhập từ ứng dụng chiếm chưa đến 1/4 tổng thu nhập từ tất cả các việc làm của ĐTĐT.

2. Từ 25% đến dưới 50% (Dưới một nửa): Thu nhập từ ứng dụng đóng góp từ 1/4 đến dưới 1/2 tổng thu nhập từ việc làm.

3. Từ 50% đến dưới 75% (Khoảng một nửa hoặc hơn một nửa): Thu nhập từ ứng dụng đóng góp từ 1/2 đến dưới 3/4 tổng thu nhập từ việc làm.

4. Từ 75% trở lên (Toàn bộ hoặc gần như toàn bộ): Thu nhập từ ứng dụng là nguồn thu chủ yếu, chiếm từ 3/4 trở lên hoặc là nguồn thu duy nhất từ việc làm của ĐTĐT.

5. Không biết: Chỉ chọn phương án này khi ĐTĐT thực sự không thể ước lượng hoặc không nắm được tỷ lệ đóng góp thu nhập của mình.

Lưu ý:

Căn cứ tính tổng thu nhập

- Mẫu số để so sánh tỷ lệ % là **Tổng thu nhập từ TẤT CẢ các việc làm** (bao gồm cả công việc chính thức, công việc làm thêm truyền thống và công việc nền tảng số) của ĐTĐT trong thời kỳ tham chiếu tương ứng (tháng qua hoặc 12 tháng qua).

- **Không tính** các khoản thu nhập phi việc làm như: trợ cấp xã hội, tiền gửi tiết kiệm, tiền người thân gửi cho, tiền cho thuê nhà thuần túy không qua app...

- Nếu ĐTĐT chỉ có duy nhất công việc làm trên nền tảng số (không làm thêm việc nào khác) ->Tích chọn mã 4 (Từ 75% trở lên).

Ví dụ 1: (Thu nhập nền tảng số là duy nhất)

Tình huống: Anh Nguyễn Văn A chạy xe GrabBike full-time (C68.14 = 1 - Hằng ngày). Anh A không làm bất kỳ công việc nào khác. Thu nhập tháng qua từ Grab của anh là 12 triệu đồng.

Trả lời: Công việc qua ứng dụng đóng góp 100% tổng thu nhập từ việc làm của anh A. ĐTV tích chọn mã 4. Từ 75% trở lên.

Ví dụ 2: (Nhiều nguồn thu nhập - Xác định tỷ trọng trong tháng)

Tình huống: Chị Lê Thị B là nhân viên hành chính công ty (lương 10 triệu đồng/tháng). Ngoài ra, tháng qua chị làm thêm dọn dẹp nhà cửa qua app bTaskee (C68.14 = 2 - Hằng tuần) và kiếm được 2,5 triệu đồng.

Cách tính: Tổng thu nhập từ việc làm = 10 triệu + 2,5 triệu = 12,5 triệu đồng. Tỷ lệ thu nhập từ bTaskee = 2,5/12,5 = 20%.

Trả lời: Mức 20% thuộc khoảng dưới 25%, ĐTV tích chọn mã 1. Dưới 25%.

Ví dụ 3: (Tham chiếu 12 tháng qua)

Tình huống: Anh Trần Văn C làm tự do. Trong 12 tháng qua, anh cho thuê xe tự lái trên MIOTO khoảng 3 đợt (C68.14 = 4 - Vài lần trong năm) thu được 15 triệu đồng. Tổng thu nhập cả năm từ các việc làm khác của anh C là 85 triệu đồng.

Cách tính: Tỷ lệ = 15 triệu/(15 + 85) triệu = 15%.

Trả lời: CAPI hiển thị câu hỏi cho 12 tháng qua, ĐTV tích chọn mã 1. Dưới 25%.

Câu 68.17. Khi thực hiện các công việc thông qua ứng dụng [TÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LIỆT KÊ Ở C68.10], [TÊN] có tham gia đóng bảo hiểm xã hội không?

Mục đích: Thu thập thông tin về tình trạng tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH) của người lao động gắn liền với hoạt động làm việc trên nền tảng số. Qua đó, giúp đánh giá mức độ bao phủ của lưới an sinh xã hội đối với lực lượng lao động phi chính thức và lao động nền tảng (gig workers) tại Việt Nam.

Hướng dẫn thực hiện:

1. Có: Tích chọn nếu ĐTĐT hiện đang đóng BHXH (kể cả BHXH bắt buộc hoặc BHXH tự nguyện) liên quan đến việc làm hoặc có thu nhập từ các công việc thực hiện qua ứng dụng nêu trên.

2. Không: Tích chọn nếu ĐTĐT hoàn toàn không tham gia đóng bất kỳ loại hình BHXH nào đối với hoạt động lao động trên nền tảng số này.

Lưu ý:

Phân biệt BHXH và Bảo hiểm Y tế (BHYT)/Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN)

- ĐTV cần giải thích rõ cho ĐTĐT: Câu hỏi này **chỉ hỏi về Bảo hiểm xã hội (BHXH).**

- Trường hợp ĐTĐT chỉ mua BHYT hộ gia đình hoặc BHYT học sinh/sinh viên mà không đóng BHXH thì ĐTV vẫn phải chọn mã 2. Không.

Ví dụ 1: (Trường hợp CÓ - Tham gia BHXH tự nguyện)

Tình huống: Anh Nguyễn Văn A chạy xe GrabBike full-time (đã khai ở C68.10). Anh A chủ động đến đại lý Bưu điện xã đăng ký và nộp tiền đóng BHXH tự nguyện hằng tháng.

Trả lời: Anh A có tham gia đóng BHXH. ĐTV chọn "1. Có". (CAPI chuyển sang C68.18 để ghi nhận BHXH tự nguyện).

Ví dụ 2 (Trường hợp CÓ - Hợp tác xã/Công ty đóng BHXH bắt buộc):

Tình huống: Anh Trần Văn B là tài xế GrabCar thuộc quản lý của một Hợp tác xã vận tải. Hợp tác xã có ký hợp đồng lao động và đóng BHXH bắt buộc hằng tháng cho anh B từ nguồn doanh thu chạy xe.

Trả lời: Anh B có tham gia BHXH gắn với công việc chạy app. ĐTV chọn **mã 1. Có**. (CAPI chuyển sang C68.18 để ghi nhận BHXH bắt buộc).

Ví dụ 3 (Trường hợp KHÔNG - Chỉ có BHYT cá nhân):

Tình huống: Chị Lê Thị C bán hàng trên TikTok Shop (đã khai ở C68.10). Chị C không đóng BHXH, chị chỉ mua BHYT hộ gia đình tại phường để đi khám chữa bệnh.

Trả lời: Chị C không tham gia BHXH. ĐTV chọn mã 2. Không. (CAPI chuyển thẳng sang C68.19).

Câu 68.18. Loại bảo hiểm xã hội mà [TÊN] đóng khi thực hiện hoạt động thông qua [TÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LIỆT KÊ Ở C68.10] này là gì?

Mục đích: Câu hỏi này dùng để phân loại hình thức tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH) của người lao động khi làm các công việc thông qua nền tảng số. Dữ liệu này phản ánh bản chất quan hệ lao động (có hay không có hợp đồng lao động chính thức) giữa người lao động với đơn vị quản lý/vận hành nền tảng hoặc doanh nghiệp đối tác, đồng thời đánh giá mức độ bao phủ của chính sách BHXH tự nguyện đối với khu vực lao động tự do.

Hướng dẫn thực hiện:

Định nghĩa các phương án trả lời:

Bảo hiểm xã hội tự nguyện: ĐTĐT tự nguyện đăng ký, tự lựa chọn mức đóng và phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình tại cơ quan BHXH hoặc qua các đại lý thu (bưu điện, ngân hàng...). Người lao động tự chi trả 100% tiền đóng BHXH (có thể được nhà nước hỗ trợ một phần theo quy định) mà không có sự đóng góp bắt buộc từ phía doanh nghiệp hay nền tảng ứng dụng.

Bảo hiểm xã hội bắt buộc: ĐTĐT tham gia đóng BHXH thuộc diện bắt buộc theo quy định của pháp luật lao động (do có hợp đồng lao động từ đủ 1 tháng trở lên ký với doanh nghiệp/đơn vị vận hành nền tảng hoặc hợp tác xã/công ty đối tác). Khoản tiền đóng BHXH được trích một phần từ tiền lương/thu nhập của ĐTĐT và một phần do người sử dụng lao động (doanh nghiệp/đơn vị) chi trả.

Lưu ý:

Tránh nhầm lẫn với BHXH từ công việc khác. Trường hợp Nếu ĐTĐT là nhân viên văn phòng có đóng BHXH bắt buộc tại Công ty A, nhưng buổi tối chạy thêm Grab (làm tự do không đóng BHXH cho công việc Grab) -> C68.17 phải xác định là **"2. Không"** (vì công việc nền tảng số không đóng BHXH).

Ví dụ 1: (Trường hợp BHXH tự nguyện):

Tình huống: Anh Nguyễn Văn A làm tài xế ShopeeFood full-time (đã khai C68.17 = 1). Hằng tháng, anh A ra bưu điện phường tự nộp 300.000 đồng để tham gia gói BHXH tự nguyện cho bản thân.

Trả lời: Anh A tự đóng BHXH không qua hợp đồng lao động bắt buộc. ĐTV tích chọn mã 1. Bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Ví dụ 2: (Trường hợp BHXH bắt buộc):

Tình huống: Anh Trần Văn B là tài xế Xanh SM (đã khai C68.17 = 1). Anh B có ký hợp đồng lao động chính thức với Công ty GSM. Hằng tháng, công ty trích một phần lương của anh và đóng đối ứng một phần ngân sách công ty để nộp BHXH bắt buộc cho anh theo quy định.

Trả lời: Đây là hình thức đóng BHXH theo hợp đồng lao động chính thức. ĐTV tích chọn mã 2. Bảo hiểm xã hội bắt buộc.

Câu 68.19. [TÊN] có thực hiện các công việc nêu trên trong 7 ngày vừa qua hay không?

Mục đích: Xác định hoạt động có diễn ra trong 7 ngày qua hay không.

Hướng dẫn thực hiện:

- Xác định thời kỳ tham chiếu (7 ngày vừa qua): Thời gian 7 ngày vừa qua được tính bắt đầu từ ngày ngay trước ngày điều tra trở về trước đúng 7 ngày. (Ví dụ: Nếu ĐTV đến phỏng vấn vào ngày 15 tháng 10, thì 7 ngày vừa qua được tính từ ngày 08 tháng 10 đến hết ngày 14 tháng 10).

- Phân loại phương án trả lời (Chọn 01 phương án)

1. Có: Tích chọn nếu trong 7 ngày vừa qua, ĐTĐT có thực hiện bất kỳ công việc, nhiệm vụ hay giao dịch nào (kể cả thời gian chờ nhận việc, nổ đơn) thông qua các ứng dụng nền tảng số đã kê khai ở **Câu 68.10.**

2. Không: Tích chọn nếu trong suốt 7 ngày vừa qua ĐTĐT **hoàn toàn không bật app, không nhận việc hay không có hoạt động nào** trên các ứng dụng này.

Điều hướng câu hỏi tiếp theo:

Nếu C68.19 = 1 (CÓ) -> HỎI CÂU 68.20 (để xác định vị thế việc làm chính, việc thứ hai hay việc bổ sung).

Nếu C68.19 = 2 (KHÔNG) -> CHUYỂN SANG HỎI PHẦN 6 - CÔNG VIỆC GIA ĐÌNH (kết thúc toàn bộ Mô-đun 5A).

Ví dụ 1: (Trường hợp CÓ - Có làm việc trong 7 ngày qua):

Tình huống: Anh Nguyễn Văn A chạy GrabCar (đã khai C68.10). Hôm nay là Thứ Ba ngày 20/10, trong tuần trước từ 13/10 đến 19/10 anh A vẫn chạy xe bình thường 5 ngày.

Trường hợp này anh A có làm việc trong 7 ngày vừa qua. ĐTV chọn mã 1. CÓ. (CAPI sẽ chuyển sang hỏi Câu 68.20).

Ví dụ 2: (Trường hợp KHÔNG - Tạm nghỉ hoặc không có đơn trong 7 ngày qua):

Tình huống: Chị Lê Thị B bán hàng trên Shopee (đã khai C68.10). Tuần vừa rồi chị B bị ốm nên đóng gian hàng nghỉ suốt 7 ngày qua, không xử lý hay đóng gói bất kỳ đơn hàng nào.

Trả lời: Chị B không có hoạt động tạo thu nhập qua app trong 7 ngày vừa qua. ĐTV chọn mã 2. KHÔNG. (CAPI tự động chuyển thẳng sang Phần 6 - Công việc gia đình).

Câu 68.20. Công việc thông qua [TÊN CÁC ỨNG DỤNG ĐÃ LIỆT KÊ Ở C68.10] có phải là công việc chính hoặc công việc thứ hai mà [TÊN] đang làm không? (Chọn 1 phương án)

Mục đích: Câu hỏi này đóng vai trò quan trọng trong việc xác định vị thế và vai trò của công việc nền tảng số trong toàn bộ hoạt động lao động hiện tại của đối tượng điều tra (ĐTĐT). Dữ liệu giúp phân định rõ công việc nền tảng số đóng vai trò là nguồn sống chính, công việc làm thêm thu nhập quan trọng (việc thứ hai), hay chỉ là hoạt động bổ sung, không thường xuyên.

Hướng dẫn thực hiện:

Định nghĩa các phương án trả lời để ĐTV chọn 01 đáp án duy nhất

1. Có, là công việc chính: Nếu công việc thông qua các nền tảng ứng dụng số nêu trên là công việc dành nhiều thời gian làm việc nhất hoặc mang lại nguồn thu nhập lớn nhất trong số các việc làm mà ĐTĐT đang thực hiện trong 7 ngày qua. Trường hợp chỉ làm 1 việc: Nếu ĐTĐT trong 7 ngày qua chỉ làm duy nhất công việc qua các ứng dụng số (không làm thêm việc nào khác) thì mặc nhiên chọn phương án này.

2. Có, là công việc thứ hai: Nếu ĐTĐT có một công việc chính khác (ví dụ: làm công nhân, nhân viên văn phòng, làm nông nghiệp...), và công việc thông qua nền tảng số là công việc làm thêm thứ hai được thực hiện đều đặn/thường xuyên ngoài giờ làm việc chính để gia tăng thu nhập trong 7 ngày qua.

3. Không, là công việc bổ sung hoặc công việc không thường xuyên: Công việc thông qua nền tảng số không phải là công việc chính cũng không phải công việc thứ hai ổn định, mà chỉ là hoạt động làm thêm mang **tính chất tạm thời, thỉnh thoảng, tranh thủ** làm khi rảnh rỗi hoặc khi có nhu cầu phát sinh đột xuất trong 7 ngày qua.

Lưu ý:

- **Công việc chính**: Là công việc ĐTĐT dành nhiều thời gian nhất. Nếu thời gian bằng nhau thì chọn công việc mang lại thu nhập cao nhất.

- **Công việc thứ hai**: Là công việc có thời gian/thu nhập xếp thứ hai ngay sau công việc chính.

Sau khi hoàn thành ghi nhận Câu 68.20, ĐTV đã **hoàn tất toàn bộ** câu hỏi thuộc **Phần 5A: Việc làm nền tảng số**.

Ví dụ 1: (Trường hợp là Công việc chính):

Tình huống: Anh Nguyễn Văn A chạy xe GrabCar full-time (đã xác nhận có làm việc trong 7 ngày qua ở C68.19). Anh A dành 50 giờ/tuần cho công việc này và đây là nguồn thu nhập duy nhất nuôi sống gia đình anh.

Trả lời: Công việc GrabCar là công việc duy nhất và dành nhiều thời gian nhất. ĐTV chọn **"1. Có, là công việc chính".**

Ví dụ 2: (Trường hợp là Công việc thứ hai):

Tình huống: Chị Lê Thị B là nhân viên kế toán hành chính tại một công ty tư nhân từ thứ Hai đến thứ Sáu (Công việc chính). Vào các buổi tối và hai ngày cuối tuần, chị B đều đặn nhận các ca dọn dẹp nhà cửa qua app bTaskee để kiếm thêm thu nhập (chị dành khoảng 12 giờ/tuần cho bTaskee và có làm trong 7 ngày qua).

Trả lời: Công việc dọn dẹp qua bTaskee là công việc làm thêm thường xuyên xếp thứ hai sau công việc văn phòng. ĐTV chọn **"2. Có, là công việc thứ hai".**

Ví dụ 3: (Trường hợp là Công việc bổ sung / không thường xuyên):

Tình huống: Anh Trần Văn C là công nhân nhà máy (Công việc chính). Trong tuần qua, anh C có đăng bài thanh lý hộ chiếc máy ảnh cũ của người bạn trên sàn Shopee và nhận được một khoản tiền hoa hồng nhỏ. Anh C không có ý định duy trì bán hàng đều đặn.

Trả lời: Việc bán hàng qua Shopee mang tính phát sinh, không thường xuyên. ĐTV chọn mã 3. Không, là công việc bổ sung hoặc công việc không thường xuyên.

Phụ lục: Danh sách các ứng dụng nền tảng số được sử dụng nền tảng số trong Điều tra việc làm nền tảng số

Mã ứng dụng	Tên ứng dụng	Câu hỏi
1	**Dịch vụ tài xế xe máy/taxi hoặc "lái xe hộ"**	C68.1
1.1	Grab	C68.1
1.2	Green SM	C68.1
1.3	Be	C68.1
1.4	Taxi Mai Linh	C68.1
1.5	Vinasun App	C68.1
1.6	G7 Taxi	C68.1
1.7	BUTL (Bạn uống tôi lái)	C68.1
1.8	THUELAI	C68.1
1.9	MyGo	C68.1
1.1	FastGo	C68.1
	Ứng dụng khác từ C68.1	C68.1
2	**Giao đồ ăn hoặc giao hàng cho khách**	C68.2
2.1	GrabFood	C68.2
2.2	ShopeeFood	C68.2
2.3	BeFood	C68.2
2.4	Ahamove	C68.2
2.5	Lalamove	C68.2
2.6	beDelivery	C68.2
2.7	GrabExpress	C68.2
	Ứng dụng khác từ C68.2	C68.2

Mã ứng dụng	Tên ứng dụng	Câu hỏi
3	**Thương mại điện tử**	C68.3
3.1	Shopee	C68.3
3.2	TikTok Shop	C68.3
3.3	Lazada	C68.3
3.4	Tiki	C68.3
	Ứng dụng khác từ C68.3	C68.3
4	**Tạo nội dung và đăng tải nội dung**	C68.4
4.1	YouTube	C68.4
4.2	TikTok	C68.4
4.3	Facebook	C68.4
4.4	Instagram	C68.4
4.5	Affiliate	C68.4
4.6	Spotify	C68.4
4.7	Apple Podcasts	C68.4
	Ứng dụng khác từ C68.4	C68.4
5	**Nhóm công việc như giúp việc gia đình, chăm sóc sức khỏe cá nhân, chăm sóc người già/trẻ em, tư vấn làm đẹp, sửa chữa, lắp đặt thiết bị, vệ sinh nhà cửa …**	C68.5
5.1	bTaskee	C68.5
5.2	JupViec	C68.5
5.3	Giúp Việc Tốt	C68.5
5.4	GrabAssistant / GrabMart	C68.5
5.5	Ahamove (dịch vụ gia đình)	C68.5
5.6	iSalon Booking	C68.5
5.7	Myspa (chăm sóc sức khỏe, làm đẹp)	C68.5
5.8	BeautyX	C68.5
5.9	Klook	C68.5
5.1	Lookme	C68.5
	Ứng dụng khác từ C68.5	C68.5
6	**Nhóm công việc như gia sư, dạy học trực tuyến**	C68.6
6.1	Vuihoc	C68.6
6.2	Clevai	C68.6
6.3	Kyna	C68.6
6.4	Preply	C68.6
6.5	Edubox (giáo dục)	C68.6
7	**Công việc y tế, khám chữa bệnh từ xa**	C68.6
7.1	YouMed	C68.6
7.2	Med247	C68.6
7.3	Doctor Anywhere	C68.6
7.4	Medlatec	C68.6
7.5	Mediplus	C68.6
7.6	BookingCare	C68.6
7.7	Bcare (khám chữa bệnh)	C68.6
	Ứng dụng khác từ C68.6	C68.6

Mã ứng dụng	Tên ứng dụng	Câu hỏi
8	**Nhóm công việc biên dịch, lập trình, thiết kế đồ họa, nhập liệu, biên tập tài liệu, gắn nhãn dữ liệu**	C68.7
8.1	Upwork	C68.7
8.2	Toptal	C68.7
8.3	Freelance.vn / vLance (Việt Nam)	C68.7
8.4	Fiverr	C68.7
8.5	Scribendi & ProofreadingPal	C68.7
8.6	ProZ.com & TranslatorsCafé	C68.7
8.7	Gengo / Blend (OneHourTranslation)	C68.7
8.8	Clickworker / Amazon Mechanical Turk (MTurk)	C68.7
8.9	DataAnnotation.tech & Alignerr	C68.7
8.1	YouTube	C68.7
8.11	TikTok	C68.7
8.12	Facebook	C68.7
8.13	Instagram	C68.7
8.14	Affiliate	C68.7
8.15	Toloka	C68.7
8.16	Appen	C68.7
	Ứng dụng khác từ C68.7	C68.7
9	**Cho thuê tài sản: Cho thuê phòng; cho thuê ô tô/xe máy**	C68.8
9.1	Airbnb	C68.8
9.2	Booking.com	C68.8
9.3	Agoda	C68.8
9.4	Traveloka (cho thuê phòng)	C68.8
9.5	Mioto	C68.8
9.6	Geen SM (Cho thuê xe)	C68.8
	Ứng dụng khác từ C68.8	C68.8
10	**Ứng dụng khác từ C68.9**	C68.9